

PHẬT HỌC

佛學

PHƯƠNG TIỆN TU HỌC PHẬT PHÁP - PHÁT HÀNH HÀNG THÁNG

SỐ 372, NĂM THỨ 30

NGÀY 1 THÁNG 7-2025



Điện Tử Thư (E-Mail): huynhaitong@gmail.com

Mạng Nhện Toàn Cầu (World Wide Web): <http://www.nsphat-hoc.org>



NGUYỆT SAN PHẬT HỌC

Chủ Biên:

PHÚC TRUNG

Thủ Quỹ:

DIỆU LAN

Kiểm Soát:

PHƯỚC SƠN

Ban Biên Tập:

BÌNH ANSON

CHÂN ĐẠI LƯỢNG

MINH HÒA

NHÂN CA

TÂM KHÔNG

TÂM TUỆ TĨNH

TUỆ VIÊN

Cộng Tác:

CHÍNH HẠNH

HÀN TRÚC

HỒNG DƯƠNG

MINH CHÁNH

MINH ĐỨC

TRẦN TRUNG ĐẠO

Kỹ Thuật:

MINH HÒA

NHÂN CA

Mục Lục

<u>Xuân Hạ Thu Đông</u>	BBT	3
<u>Thiền định một PP. biến cải tâm linh</u>	Hoang Phong dịch	4
<u>Pháp Cú: 417 Phẩm Bà La Môn</u>	HT. Th. Minh Châu dịch	6
<u>Thơ: Dăm về</u>	Tuệ Nga	6
<u>Đại lễ Vesak của LHQ tại VN Hâu Vesak 2025</u>	Minh Mẫn	7
<u>Thơ: Đi hoang</u>	Trúc Thiên	9
<u>Quán thất tướng của Thế giới</u>	Nguyễn Thế Đăng	10
<u>Hư Hư Lục: Người học trò hư nhất</u>	Thích Nữ Như Thủy	14
<u>Trao đổi với Thầy Chân Pháp Từ</u>	Nguyễn Hòa	15
<u>Hư Hư Lục: Thế nào là Thương Toa</u>	Thích Nữ Như Thủy	20
<u>Để Chánh pháp trụ thế lâu dài</u>	Thích Trung Đình	21
<u>LGT Hành trình muôn kiếp nhân sinh</u>	Nguyễn Văn Phước	24

Tranh bìa

Hoa Sen

**Đôi lời thưa trước cùng quý tác giả có bài
đăng trong**

Nguyệt San Phật Học

Nhằm mục đích hoằng dương Phật Pháp, Nguyệt San Phật Học đăng lại một số bài từ các Tạp Chí, Sách, Báo Phật Giáo. Có những bài không thể liên lạc được với tác giả, xin quý vị hoan hỷ miễn thứ cho.

Ban Biên Tập

Nguyệt San Phật Học

Xuân Hạ Thu Đông

Chúng ta ai cũng biết rằng một năm có 4 mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông, đó là sự tuần hoàn của vũ trụ. Mùa Xuân khí hậu mát mẻ làm cho cây cỏ sinh sôi nảy nở, mùa Hạ tiết trời oi bức sang mùa Thu se lạnh, cây lá đổi màu vàng úa, đến mùa Đông thời tiết lạnh lẽo, nhiều cây lá rụng trơ cành cho đến mùa Xuân trở lại, cây cối xanh tươi, đơm bông, kết trái.

Đó là sự tuần hoàn của vũ trụ đối với quả địa cầu của chúng ta, nhưng nó cũng có ít nhiều thay đổi thời tiết đối với nhng nơi như Bắc Cực, Nam cực và đường Xích đạo.

Còn con người chúng ta có Sinh, lão, bệnh, tử nhưng chúng ta còn phải chịu cái Nghiệp quả của mình. Có người sinh ra khỏe mạnh, có người bệnh tật bẩm sinh, không ai tránh khỏi quy luật chung của tạo hóa, cho nên không ai giống ai.

Nghiệp thì có Cộng nghiệp và Biệt nghiệp. Cộng nghiệp là nghiệp chung, ví dụ chúng ta là người Việt Nam đó là Cộng nghiệp người Việt Nam, nhưng có người đẹp, người xấu, người giàu sang, người cùng khổ đó là nghiệp riêng của mỗi người nên gọi là Biệt nghiệp.

Theo luật của tạo hóa, từ khai thiên lập địa có bốn chất là nước, gió, lửa và không khí Bốn chất ấy hòa hợp tạo ra đất, đá, cỏ cây rồi dần dần cảm thú, biến hóa hàng triệu năm mới có con người. Con người có trí tuệ hơn cảm thú để chúng ta có nhận thức mình là chúa tể của vạn vật, mình phải luôn học hỏi tiến hóa hơn để đến ngày kia mình tiến hóa hòa nhập vào đại khối của vũ trụ, việc này không thể một sớm, một chiều mà phải nhiều kiếp tu luyện để tiến hóa thành thần, thánh, tiên, Phật mới có thể hòa nhập vào đại khối của vũ trụ.

Nhận thức được thế mỗi người chúng ta cần phải tu tập, hàng ngày tinh tấn mới mong được trở về đại khối của vũ trụ.

Chúng ta phải hiểu rằng nguyên thủy mỗi cá nhân chúng ta cùng ở trong đại khối vũ trụ nhưng do bị trọng trược nên bị tách ra khỏi khối ấy thành cá thể, do đó mỗi cá thể chúng ta phải tu tập tinh tấn để cho cá thể được tinh anh, hầu trở về với đại khối.

Đời thường hay nói: “Đường đi không khó mà khó vì lòng người ngại núi e sông”. Cho nên chúng ta cần vượt núi, qua sông đó, thành quả sẽ đến cho những ai chịu khó vượt núi, qua sông.

BBT/NS/PHẬT HỌC

Thiền định

một phương pháp biến cải tâm linh

Đức Đạt-lai Lạt-ma và Ugyen Sangharakshita
Hoang Phong chuyển ngữ

Bài 55

Bản chất của Dharmakaya trong Kinh Hoa Sen

Quan điểm về Dharmakaya (Pháp thân) trong *Kinh Hoa Sen* cũng tương tự như đã được giải thích trên đây (trong bài 54), nhưng cũng có thể là rõ ràng hơn. Như chúng ta thấy, có hai phương cách truyền đạt sự hiểu biết : cách thứ nhất dựa vào các khái niệm và sự trừu tượng, cách thứ hai dựa vào các sự ngụ ý nêu lên trong các câu chuyện ngụ ngôn (parable) và huyền thoại (myth). Kinh Hoa Sen chủ yếu sử dụng các thuật ngữ phi-khái-niệm (vượt khỏi các ý niệm quy ước, gần với sự ngụ ý hơn), và trong kinh này có một phân đoạn giải thích cặn kẽ về bản chất của Dharmakaya (Pháp thân) là gì.

Kinh Hoa Sen nêu lên một cảnh tượng thật tiêu biểu, thường thấy mô tả trong các kinh sách Đại thừa nói chung, đó là cảnh tụ họp của hàng ngàn đệ tử của Đức Phật, gồm các nam và nữ tu sĩ, các cư sĩ tại gia, các vị a-la-hán, các vị bồ-tát, kể cả các chúng sinh không thuộc cõi con người (non-human beings), chẳng hạn như các loài rồng (naga / long xà, các con rắn thần), các nhạc công nơi cõi thiên, các thiên nhân, các thần linh hung dữ... (các huyền thoại Phật giáo thường nêu lên các vị thần linh hiền hòa và cả hung dữ, thường được gọi là các "ông thiện", "ông ác"), nói chung là một đám đông gồm mọi thể loại chúng sinh.

Trong cảnh tụ họp đó diễn ra đủ mọi hiện tượng huyền diệu, và sau hết là sự xuất hiện đột ngột của hàng triệu vị bồ-tát vọt lên từ mặt đất, khiến toàn thể đại hội phải kinh ngạc ! Sau khi trông thấy hàng triệu vị bồ-tát hiện lên từ các khe nứt trên mặt đất, thì Đức Phật hướng vào các đệ tử của mình và nói với họ như sau : "*Trông đấy, tất cả các vị bồ-tát ấy đều là các đệ tử của ta, chính ta đã giảng dạy và đào tạo họ*".

Qua những gì được mô tả trong kinh thì cũng đủ hiểu là sự xuất hiện bất ngờ của hàng triệu vị bồ-tát đó không khỏi mang lại cho các đệ tử bình dị ở cấp bậc con người của Đức Phật không những là một sự đột ngột mà là cả một sự kinh ngạc. Làm thế nào mà Đức Phật lại có thể giảng dạy và đào tạo được hàng triệu vị bồ-tát đang hiện lên trước mặt họ một cách mâu nhiệm như vậy ? Họ bèn nói với Đức Phật như sau : "*Ngài chỉ mới đạt được Giác ngộ bốn mươi năm nay, và dù Ngài đã tận lực giảng dạy cho đủ các thể loại chúng sinh, không sao lẫng một giây phút nào, thế nhưng quả là một điều khó hiểu khi Ngài đòi hỏi chúng tôi phải tin rằng chính Ngài đã đào tạo tất cả các vị bồ-tát ấy. Hơn nữa trong số họ, nào phải chỉ toàn là các vị bồ-tát sa-di, mà là những người đã từng bước theo con đường của người bồ-tát qua hàng trăm kiếp sống, trong suốt hàng ngàn năm. Làm thế nào mà tất cả họ lại có thể là các đệ tử của Ngài được ? Điều đó chẳng khác gì như một người mới hai mươi lăm tuổi trở tay vào một cử tọa gồm các bồ-lão già hàng trăm tuổi và gọi họ "nay các*

con của ta". Chuyện đó không thể xảy ra được".

Trước sự thắc mắc đó, Đức Phật tiết lộ một điều vô cùng quan trọng, phản ánh ý nghĩa của toàn bộ bản kinh. Ngài nói lên như sau : *"Không nên nghĩ rằng ta đạt được Giác ngộ từ bốn mươi năm nay. Đây chỉ là cách nhìn (quan điểm, sự nhận biết) của quý vị mà thôi. Ta đã đạt được Giác ngộ từ vô tận"*.

Thật hết sức rõ ràng, câu phát biểu trên đây không phải là do Nirmanakaya (Ứng thân, Biến hóa thân của Đức Phật) hay Sambhogakaya (Thụ dụng thân, Thân tận hưởng sự Giác ngộ, Thân hình tướng của Đức Phật) thốt lên, mà là lời phát biểu của Dharmakaya (Pháp thân, Thân Đạo Pháp, Thân của Sự Thật tuyệt tối, biểu trưng cho Hiện thực), lời phát biểu đó là của Đức Phật đích thật, của Đức Phật vô tận, của Phật-tính (Buddhata / Buddhahood), có nghĩa là không do một cá nhân nào nói lên, dù cá nhân ấy có vĩ đại đến đâu đi nữa.

Khi Kinh Hoa Sen nêu lên các thuật ngữ như "Đức Phật vô tận", thì không nên hiểu chữ "vô tận" là "sự kéo" dài bất tận của thời gian mà phải hiểu là sự "vượt thoát" khỏi thời gian, tức là một cách hiểu mở rộng mang tính cách ẩn dụ. Trong Kinh Hoa Sen cũng như trong Kinh Kim Cương, Đức Phật biểu trưng cho các kích thước vô biên, một hiện thực thuộc "bên ngoài" thời gian. [Trong khi đó] các vị bồ-tát cũng biểu trưng cho hiện thực, kể cả Phật tính, thế nhưng hiện thực đó chỉ [đơn giản] là một sự vận hành "bên trong" thời gian.

Như chúng ta hiểu, người bồ-tát bước theo con đường, hướng vào một số sinh hoạt nào đó, tạo ra một chuỗi diễn tiến

tuần tự gồm tư duy, ngôn từ và hành động. Nói một cách khác thì người bồ-tát là sự hiện lộ của Tâm thức giác ngộ (Bodhicitta / Bồ-đề tâm) tương đối, diễn tiến một cách trường kỳ, tức là một quá trình nằm bên trong thời gian (*mang tính cách thời gian, liên hệ với thời gian*). Tuy nhiên chúng ta cũng có thể mở rộng tầm nhìn đó hầu giúp mình hình dung người bồ-tát như là một biểu hiện biểu trưng cho toàn bộ một quá trình tiến hóa của sự sống, gồm các thể dạng ở mọi cấp bậc từ thấp đến cao. Người bồ-tát là biểu hiện của một sự diễn tiến về con người của chính mình, khởi đầu là các thể dạng đơn sơ nhất của sự sống (*các vi sinh vật đầu tiên*) đưa đến thể dạng con người không-tĩnh-thức (*những người tiền sử và bán khai*), trước khi đưa đến một cấp bậc tiến hóa cao hơn (*con người trong các xã hội văn minh và tân tiến hơn*), dần dần đưa họ đến sự Giác ngộ. Tất cả [các giai đoạn đó] đều thuộc vào một quá trình tuần tự và duy nhất ; tóm lại và ít nhất thì quá trình tiến hoá cao siêu (*đưa đến sự Giác ngộ*) đó phải chăng cũng bắt buộc phải khởi sự từ một quá trình thấp kém hơn chăng ?

Jataka hay Bản sinh kinh

Chúng ta cũng thấy sự thăng tiến trên đây được nêu lên trong kinh Jataka (*Bản sinh kinh trong Khuddaka Nikaya / Tiểu Bộ Kinh*, là một bản kinh gồm 547 câu chuyện thuật lại các tiền kiếp của Đức Phật. Nguyên nghĩa của chữ jataka trong tiếng Pali là "sự sinh" hay "câu chuyện về sự sinh"). Như chúng ta thấy, kinh Jataka là một nhánh (một phần) tách riêng ra khỏi các văn bản nòng cốt (*các kinh điển gốc hay "nguyên thủy"*) của Phật giáo. Dù rằng không thật sự là một bản kinh nòng cốt (*chính thức*), thế nhưng một số các câu chuyện đó cũng tường thuật lại lịch sử các tiền kiếp của Đức Phật

nhằm nêu lên một sự chuyển tiếp hết kiếp sống này sang kiếp sống khác của Đức Phật trước khi đạt được Giác ngộ. Các học giả (*thường là các học giả Tây phương*) nhận thấy một số các câu chuyện trong kinh chỉ là các chuyện cổ tích dân gian (*chịu ảnh hưởng từ các chuyện cổ tích, ngụ ngôn, huyền thoại trong nền văn hóa Ấn độ*) được chuyển thành các câu chuyện tiền thân của Đức Phật trong kinh Jataka. Trong các câu chuyện đó Đức Phật được nhận diện như là các nhân vật hào hùng theo truyền thống văn hóa Ấn độ. Sự nhận diện đó cũng chẳng khác gì như vay mượn các câu chuyện ngụ ngôn của Aesope (*các câu chuyện được xem là do Aesope trước tác. Aesope - cũng được viết là Esope - là một tác giả Hy Lạp sống vào các thế kỷ thứ VII và thứ VI trước Tây lịch*) để nhận diện Chúa Giê-su qua các nhân vật chính yếu nêu lên trong các câu chuyện đó.

Tình trạng trên đây không khỏi đưa đến nhiều sự tranh cãi, nhất là đối với một số các chuyện ngụ ngôn liên quan đến sự tích các con thú. Vậy thì người Phật giáo có nên tin một cách từ chương sự hiện hữu của các nhân vật chủ yếu ấy, các vị hào hùng ấy, dưới hình thức một con hổ, một con hươu, một con sư tử hay một con dê, lại có thể biểu trưng cho các tiên kiếp của Đức Phật hay không ? Trong một số các nước Phật giáo Đông phương người ta vẫn tin rằng các câu chuyện trong kinh *Jataka* đúng thật là các câu chuyện tiền kiếp của Đức Phật. Thế nhưng nào có ai bắt buộc chúng ta phải tin vào các câu chuyện đó một cách từ chương đâu. Những gì nêu lên trong kinh *Jataka* thật ra chỉ là một quá trình tiên hóa. Mỗi câu chuyện nêu lên một vị hào hùng, dưới thể dạng một con người hay một con thú, nhưng tiên hóa hơn so với đồng loại. Tóm lại chỉ nên xem mỗi thể dạng đó biểu trưng cho một

cấp bậc tiên hóa cao hơn thế thôi. Cách nhận diện Đức Phật xuyên qua các vị hào hùng trong các câu chuyện đó hàm chứa thật nhiều ý nghĩa : các nhân vật (*một vị hào hùng, một con người hay một con thú*) đều phản ánh một sự mong cầu khẩn thiết, nói lên một sự phát triển mà "kết quả" tối hậu là trở thành một vị Phật.

Bures-Sur-Yvette, 15.02.22

Hoang Phong chuyển ngữ

Pháp Cú

HT. Thích Minh Châu dịch

Phẩm Bà La Môn

417

*Bỏ trôi buộc loài người,
Vượt trôi buộc cõi trời.
Giải thoát mọi buộc ràng,
Ta gọi Bà-la-môn.*



DẶM VÈ

Tuệ Nga

*Dặm về mây trắng chắn quê xa
Lạnh lạnh hơi thu quạnh nhớ nhà
Ai thả thơ sâu cạy biển lửa
Ta nghe bão nổi đặng hồn hoa
Một dòng Tịch Tịch ôm ngày vắng
Mấy nét Không Không rọi chữ nhòa
Dậu trúc bên thềm lay ý gió
Dư âm nào động ráng chiều pha.*

ĐẠI LỄ VESAK LIÊN HIỆP QUỐC 2025 TẠI VIỆT NAM MỤC LỤC

HẬU VESAK 2025

Minh Mẫn



Sau một tháng Vesak lần thứ tư tại Việt Nam được tổ chức ở Thành phố Hồ Chí Minh và cung nghinh ngọc Phật tôn trí tại ba miền, cơn sóng tín ngưỡng tạm lắng, người dân trở lại đối diện những khó khăn trong đời sống thường nhật.

Trong ba lần Vesak ở phía Bắc, mỗi lần đều rút tía những kinh nghiệm trong khâu tổ chức để bổ sung cho lần thứ tư tại phía Nam, nhưng không lần nào giống lần nào, mỗi địa thế có một khó khăn riêng bởi tập quán vùng miền, địa lý, vận chuyển đi lại, vì thế không khiếm khuyết nào giống khiếm khuyết nào, điều này dễ hiểu và dễ cảm thông, một đại biểu tại Thành phố có tên trong khâu đọc tham luận, không chen chân được giữa rừng người vào 5km, họ phải bỏ cuộc. Trong khuôn viên Học viện mới có bản hướng dẫn; nhưng từ

chùa Thanh Tâm, khu vực tôn trí Xá lợi và hội chợ triển lãm, hỏi cảnh sát hay các em tình nguyện viên khu vực muốn tìm, ai cũng lắc đầu. Đến khu vực 30 hecta tựa hồ lọt vào trận địa trưng bày hàng quán, kiosque, lều bạt, như kẻ què vừa lên Thành phố hoa lệ. Từ khu này đến khu kia cũng cả cây số, khách tham quan được dịp tập bộ hành khỏi cần xông hơi. Ngày đầu, một cô phóng viên theo chỉ dẫn của anh em an ninh, cứ đi giấp vòng từ chùa Thanh Tâm trên 2 giờ rồi lại quay về chỗ cũ, đến khi tìm được khu báo chí, cô ta không biết mình phải cần uống bao nhiêu nước bù hao hụt calories giữa nắng khô khốc chảy mỡ trên miền nước mặn đất phèn của Bình Chánh. Quanh những lều bạt nằm rải rác mệnh mông người, không có bản chỉ dẫn là điều thiếu sót.

Những sai sót đó mỗi nơi một khác nên cũng khó mà chu toàn cho hàng trăm ngàn người mỗi ngày lai vãng. Hiện tượng bên ngoài cũng sẽ dễ quên khi lễ hội chấm dứt; nhưng cái không thể chấm dứt cho dù 100 lần tổ chức sự kiện như Vesak, một số vị luôn thể hiện cái ta mặc dù cái ta chìm khuất trong sự kiện mang tầm Quốc tế, để lại một khoản chi phí vô nghĩa cho việc in ấn hàng trăm đầu sách, ngày nay ít ai đọc ngoại trừ các nhà nghiên cứu hoặc lưu trữ trong thư viện. Ai cũng đọc trên không gian mạng, công nghệ thông tin truyền thông tiện dụng hơn khi phải mang theo lô sách để đọc.

Các khách sạn cho các đại biểu, khách mời

trong và ngoài nước lưu trú suốt gần tuần lễ, sau khi ra về, lượng sách để lại đến độ khách sạn không biết phải giải quyết thế nào, sách Phật giáo họ không dám bán phế liệu, đốt cũng không thể. Mỗi lần Phật giáo tổ chức sự kiện nhất là sự kiện mang tầm Quốc tế là một lần các khách sạn phải khổ tâm thu dọn phòng với những tư liệu tiến thối lưỡng nan.

Chỉ tại New Wold cũng đã có hàng ngàn cuốn bỏ lại, các đại biểu không thể mang công kênh, tay xách nách mang trên các phương tiện vận chuyển xa xôi. Sau khi dọn phòng, nhân viên phát hiện:

Tổng cộng số sách đại biểu bỏ lại tại New World là:

1. Unity and inclusivity for human dignity: 65 quyển
2. National Treasures: 45 quyển
3. United Nations Day of Vesak 2025 - Program, conferences and cultural events: 45 quyển
4. Abstracts of the United Nations Day of Vesak 2025 conference: 53 quyển
5. United Nations Day of Vesak 2025 – its history, global recognition and celebrations (2000 – 2024): 61 quyển
6. Khóa tụng thống nhất Phật giáo Việt Nam: 45 quyển
7. Pháp phục Phật giáo Việt Nam: 49 quyển
8. United Nation Day of Vesak 2008 in Ha nội: 67 quyển

9. United Nation Day of Vesak 2014 in Ninh Bình: 67 quyển

10. United Nation Day of Vesak 2019 in Ha Nam: 64 quyển

11. Tinh túy Bát nhã Ba la mật đa: 13 quyển

12. Cẩm nang đại lễ Vesak LHQ 2025: 17 quyển

Tổng cộng 1.449 quyển, chưa nói quyển tập hợp tham luận gần 1.000 trang. Gồm 75 bài tham luận được chọn lọc trên 600 tác giả tham gia.

5 chủ đề được phân chia từ những tham luận gồm:

- Nuôi dưỡng bình an nội tâm vì hòa bình thế giới
- Tha thứ và chữa lành bằng chanh niem: Con đường hòa giải
- Từ bi Phật giáo qua hành động: Trách nhiệm chung vì sự phát triển con người.
- Chánh niệm trong giáo dục vì tương lai nhân ái và bền vững
- Thúc đẩy đoàn kết: Nỗ lực hợp tác vì hòa hợp toàn cầu.

Những chủ đề mang tính lý thuyết nghị trường hơn là thực tế. Cũng có thể chấp nhận mặc dù số lượng tham dự từng chủ đề không quá 20 người. Các đại biểu tham dự Vésak ít ai chịu khó lắng nghe các tác giả trình bày, đa phần tản mát bên ngoài để văng cảnh, vào các khu triển lãm hoặc khu giải lao.

Ngoài ra còn một số sách do các chùa phổ biến trong dịp lễ hội

Nếu không có ngọc Xá lợi, có lẽ tổ chức Vesak giữa đồng nông hiu quanh khu Lê Minh Xuân, Bình Chánh như sao khuya trên trời đêm mênh mông, tự diễn tự sướng khó mà xã hội hóa như vừa rồi. Vesak vang tiếng trong và ngoài nước do chuyên cơ quân sự Ấn đưa hai bộ trưởng, các sư và tình nguyện viên người Ấn, đã khơi dậy sự tò mò của xã hội, toàn quốc biến thành cơn sóng ạt cả tai tiếng của một số cá nhân trên trang mạng xã hội.

Tóm gọn một khuyết tật lâu dài và hình như vĩnh viễn khó cải thiện là lượng sách in ấn quá nhiều, cung vượt cầu. (Tranh hình dễ thu hút người xem nhiều hơn sách đọc). Hiện nay ngoài xã hội cũng vậy, báo giấy dành cho các cụ không biết sử dụng trang mạng.

Báo giấy Giác Ngộ xuất bản từ nhiều năm trước cũng nằm trên bàn các chùa, chưa từng được bóc bao bì. Một số kinh sách trong các chùa không ai mó tới, nhất là Bạch y thần chú, Đại bi và Đại tạng... người phát tâm phổ biến nhiều hơn người chú tâm tìm hiểu. Nên xem lại cách phổ biến văn hóa sách chữ.

Chi phí cho hàng vạn sách báo phải tính cả trăm triệu trong lễ hội Vesak vừa rồi. Nếu là thói quen hay thủ tục phổ biến cho lễ hội thì nên xem lại tiền đổ vào chỗ không cần thiết khác nào vứt tiền qua cửa sổ. Luôn xét lại những gì cho là khuyết để thể hiện cái ưu, không nên đi mãi lối mòn.

Hãy hạn chế lượng sách cho những đối tượng tối cần, chưa nói đến quá cấp cho

các đại biểu. Nếu có thể, tất cả tư liệu trong đại lễ vừa rồi, cho lên trang mạng và gửi vào hộp thư riêng của từng Đại biểu.

Tất cả đã đi vào dĩ vãng nét hào nhoáng của Vesak; sau lễ hội đó vẫn còn tồn tại hàng vạn sách báo sẽ đi về đâu? Ai chịu trách nhiệm số thặng dư tưởng chừng vô hại?

Xuất bản sách báo đại trà không phải cách thể hiện cá nhân tốt nhất giới thiệu đến mọi người, nó có thể tác dụng ngược chằng!

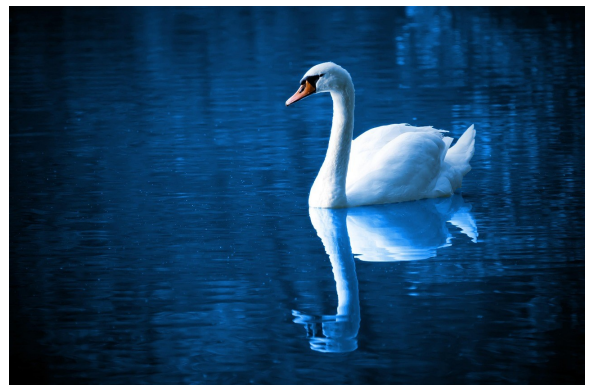


Đi Hoang

Trúc Thiên

*Nằm nghe rêu mọc trong hồn
Từng cây cỏ dại lấn dần vào thân
Tâm tư mây độ xoay vần
Giờ đây triều máu nhả dần nhịp tim*

*Bao nhiêu hạt bụi nổi chìm
Phân thân thuở ấy nay tìm về đây
Trăm năm có một hội này
Nằm nghe kể lại những ngày đi hoang*



QUÁN THẬT TƯỚNG CỦA THẾ GIỚI

Nguyễn Thế Đăng

Con người luôn luôn bị nhốt trong hoạt động tám thức của mình, càng ngày càng bị dính mắc trói buộc vào cuộc đời và thế giới do thức biến này.

Với hệ thống Bát nhã, giải thoát là soi thấy (chiếu kiến, quán chiếu) tất cả các hiện tượng là tánh Không, không có tự tánh nên như huyền như mộng. Với Duy thức, tất cả các hiện tượng đều do thức biến, cho nên giải thoát có nghĩa là thoát khỏi các hoạt động làm mê lầm của thức. Giải thoát là giải thoát khỏi sự trói buộc, che ám, làm méo mó của thức. Khi ấy người ta sẽ thấy thế giới là Viên thành thật, thế giới là Chân Như. Mục tiêu của Đại thừa là “chuyển sanh tử thành Niết bàn”, “chuyển trần gian thành Tịnh độ”; muốn làm như thế, với Duy thức, thì phải “chuyển thức thành trí”.

Thực hành Duy thức là biết tất cả hiện tượng đều “do tự tâm hiện”.

Kinh Nhập Lăng Già, phẩm Tập tất cả pháp nói:

“Bấy giờ Đại Bồ tát Đại Huệ quán sát tất cả chúng sanh đời vị lai, lại thưa hỏi Phật rằng:

Xin nói cho con pháp tu hành đầy đủ để thành bậc đại tu hành như các Đại Bồ tát.

Phật dạy: Đại Huệ! Đại Bồ tát đầy đủ bốn pháp thì thành bậc đại tu hành. Bốn pháp là gì? Đó là:

Quán sát do tự tâm hiện. Xa lìa cái thấy sanh, trụ, diệt. Khéo biết pháp bên ngoài không có tự tánh. Chuyên cầu thánh trí tự chứng. Nếu các Bồ tát thành tựu bốn pháp ấy thì được gọi là bậc đại tu hành”.

Để thoát khỏi thế giới mê lầm và hạn cuộc do chấp thật này, người ta phải thực hành bốn pháp. Tại sao gọi là mê lầm và hạn cuộc? Mê lầm bởi vì thế giới của con người khởi sanh từ sự phân biệt, chia tách giữa một chủ thể và các đối tượng của chủ thể ấy. Khi đã có sự phân biệt, chia tách thì có đủ thứ phiền não tham, sân, si, kiêu căng, đố kỵ... làm mọi sự trở thành méo mó, nhiễm ô.

Trong các kinh thường nói con đường tu hành có ba giai đoạn.

Văn là nghe, đọc, học, nghiên cứu và điều này cũng phát sanh huệ, huệ của nghe (văn huệ).

Tư là tư duy, suy nghĩ, phản biện để tin hiểu sâu sắc. Tư duy cũng có huệ, gọi là tư huệ.

Tu là đưa pháp ấy vào thực hành, áp dụng trong đời sống hàng ngày, nghĩa là trong khi ngồi thiền định thiền quán, và trong khi sau thời ngồi thiền, đi đứng nằm ngồi, ăn uống, hoạt động.

“Đại Huệ! Sao là quán sát do tự tâm hiện? Nghĩa là quán ba cõi duy chỉ là tự tâm, lìa cái tôi và đối tượng của cái tôi, không có động tác, không có đến đi. Do huân tập tập khí lỗi lầm bám nắm từ vô thủy rồi phân

biệt mà hiển hiện các thứ sắc, hành, danh từ, lời nói, thân thể, tài sản, chỗ ở, các thứ trôi buộc trong ba cõi.

Đại Bồ tát quán sát tự tâm hiện như vậy”.

Tất cả mọi thứ thấy được, nghe được, kinh nghiệm được trong ba cõi “duy chỉ là tự tâm hiện”. Sự không biết điều này càng được làm mạnh thêm bởi danh từ, ngôn ngữ, khiến mê lầm càng nặng nề thêm.

Khi đã tư duy rằng tất cả kinh nghiệm cá nhân và cộng đồng (như đường xá, núi, biển... là kinh nghiệm chung, cộng đồng) đều do tự tâm hiện, do thức mà xuất hiện, tin hiểu điều đó, người ta đi vào thực hành là thiền định và thiền quán để chứng thực được tất cả mọi tướng xuất hiện đều duy tự tâm hiện. Càng chứng thực cuộc sống bên trong và bên ngoài là do tự tâm hiện bao nhiêu, người ta càng giải thoát khỏi trò phóng chiếu của thức bấy nhiêu.

Người ta không cần chấm dứt cuộc đời do thức phóng chiếu, biến hiện này, người ta chỉ cần Biết, thay vì không biết (vô minh), rằng đây là do thức biến hiện, người ta bèn được giải thoát, nghĩa là tỉnh thức, biết như mộng như huyễn.

Thí dụ như một người từ bé sanh ra trong một rạp chiếu phim, càng lớn lên nó càng tự đồng hóa với các nhân vật và quang cảnh của phim, rồi khóc cười, vui buồn, sống chết theo phim. Nhưng khi nó biết đây chỉ là một cuốn phim, máy chiếu là “tự tâm hiện”, nó dần dần tỉnh giấc, nhận ra mình là người xem phim chứ không phải là người trong phim. Người ấy có thể tiếp tục xem phim, không cần phải bỏ chạy ra khỏi rạp, nhưng biết mình là ai, biết con người thật sự của mình, không còn chạy

theo những phóng chiếu ảo ảnh của thức. Đó là người giải thoát, tự do.

“Đại Huệ! Sao là xa lìa cái thấy sanh trụ diệt? Nghĩa là quán thấy tất cả pháp như huyễn mộng sanh; tự sanh, tha sanh, tự tha cùng sanh đều chẳng sanh, chỉ theo tâm lượng mà hiện. Thấy ngoại vật không có, thấy các thức chẳng khởi, các duyên không hợp tụ, thấy rằng do phân biệt mà duyên khởi ra ba cõi. Khi quán như thế, hoặc trong hoặc ngoài, tất cả các pháp đều chẳng thể đắc, biết không có thực thể, xa lìa cái thấy có sanh, chứng tánh như huyễn, tức thời liền đắc vô sanh pháp nhẫn, trụ địa thứ tám, rõ tâm, ý, ý thức, năm pháp, ba tánh, hai vô ngã, chuyển thức sở y, được ý sanh thân”.

Cái thấy có sanh, có trụ, có diệt là cái thấy có tướng. Tướng, hiện tướng thì có sanh có diệt. Cái thấy các tướng sanh diệt cũng là cái thấy tạo ra sanh tử luân hồi liên miên sanh diệt.

Vậy thì xa lìa cái thấy sanh, trụ, diệt nghĩa là xa lìa cái thấy tướng. Như Kinh Kim Cương nói, “Phàm hễ có tướng đều là hư vọng. Thấy các tướng chẳng phải tướng tức là thấy Như Lai”. Không tông (hệ Đại Bát nhã) thấy “các tướng chẳng phải tướng” này bằng cách thấy các tướng là vô tự tánh, là tánh Không.

Kinh Kim Cương cũng nói việc xa lìa tướng:

“Lìa hết thấy tướng tức gọi là chư Phật”.

Và bài kệ cuối cùng của Kinh Kim Cương nói các tướng là như huyễn như mộng:

*Tất cả pháp hữu vi
Như mộng, huyễn, bọt, bóng*

*Như sương, như điện chớp
Phải quán thấy như vậy.*

Qua đó, chúng ta thấy Không tông và Duy thức tông cùng đạt đến tánh Không như huyễn như mộng, chỉ khác nhau ở điểm khảo sát, điểm làm việc ban đầu, một bên là thế giới sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, một bên là “ba cõi duy tâm, muôn pháp duy thức”.

Về Duy thức, người ta xa lìa cái thấy sanh trụ diệt bằng cách thấy tất cả pháp có sanh diệt đó là sanh diệt của thức, không thật có sanh. Thấy các thức không có thực thể, đều chẳng thể đặc nên như huyễn như mộng, thấy như tường có sanh mà thật chẳng sanh: “các thức chẳng khởi”. Thấy chẳng có hiện tượng nào hợp với hiện tượng nào, “các duyên không hợp tụ”, cho nên tất cả hiện tượng đều “chẳng thể đặc”. Ba cõi là do thức phân biệt hư vọng mà duyên khởi ra, cho nên duyên khởi như huyễn như mộng ấy cũng là vô sanh.

Về tư duy và quán chiếu thì thấy nhiều ý, nhiều câu như vậy, nhưng thật ra, chỉ cần thấy trực tiếp tất cả sự vật, tất cả người... đều là do tự tâm hiện, đều là biểu hiện của thức, người ta “tức thời liền đặc vô sanh pháp nhẫn”. “Ba cõi duy tâm, muôn pháp duy thức”.

Vô sanh pháp nhẫn là giải thoát, địa thứ tám, tương đương với vị A la hán.

Ở địa Vô sanh pháp nhẫn người ta biết “rõ tâm (a lại da), ý (mạt na), ý thức”, ba thức chuyển để tạo ra sanh tử. Thấu hiểu được tâm, ý, ý thức là “thấy các thức chẳng khởi”, ba thức vốn vô sanh.

Thấu rõ cơ cấu vô minh của ba thức, đó là

“chúng tánh như huyễn, tức thời liền đặc vô sanh pháp nhẫn”.

Năm pháp là danh, tướng, vọng tưởng phân biệt, chánh trí, như như. Ba tự tánh là Biến kế sở chấp, Y tha khởi và Viên thành thật. Hai vô ngã là người vô ngã và pháp vô ngã. Chuyển y là chuyển ba thức bị nhiễm ô bởi vô minh phiền não thành thanh tịnh, thoát khỏi thế giới sanh diệt. Ý sanh thân, thân do ý sanh, là khi ba thức đã thanh tịnh không còn vướng mắc trong thế giới hiện tượng, thì ý (trong nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý) thành thanh tịnh không còn bị trói buộc và tự do, muốn đến nơi nào là đến. Thí dụ như vắng sanh về Tịnh độ là do ý sanh thân.

Kết luận đoạn kinh này, thức phân biệt là cái đã đẩy đưa chúng ta vào sanh tử. Nhưng như một câu nói của Mật thừa, “Chúng ta đã ngã té trên đất, cũng chính nhờ đất mà chúng ta chống tay đứng dậy”, chúng ta ngã té vào thức thì cũng chính nhờ thức mà chúng ta giải thoát. Giải thoát bằng cách nào? Thức không phân biệt chính là giải thoát. Đó là chuyển thức thành trí; chuyển cái nghiệp (thói quen) của thức là phân biệt để thành trí vô phân biệt.

Đoạn kinh tiếp theo nói thêm về ý sanh thân:

“Đại Huệ nói: Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên nào mà gọi là ý sanh thân?”

Phật dạy: Đại Huệ! Thân do ý sanh là thí như ý di chuyển nhanh chóng vô ngại, gọi là ý sanh thân. Đại Huệ! Thí như tâm ý cách xa vô lượng trăm ngàn do tuần, nhớ đến đủ thứ vật thấy trước kia, niệm niệm liên tục liền đi đến đó, chẳng bị thân và núi sông, đá vách làm ngăn ngại. Thân do ý sanh cũng lại như thế, lực như huyễn, thân

thông tự tại, các tướng trang nghiêm, nhớ bốn nguyện thành tựu chúng sanh, giống như ý di chuyển, sanh vào tất cả thánh chúng. Đó gọi là Bồ tát đắc xa lìa cái thấy sanh, trú, diệt”.

Xa lìa cái thấy tướng sanh, trú, diệt thì đi vào như huyền tam muội, và lực như huyền này cùng với nguyện lực Bồ tát thành tựu cho chúng sanh và các công đức (“các tướng trang nghiêm”) khiến Bồ tát có thân do ý sanh đi đâu tùy ý.

Đây là sức mạnh của việc tu chúng như huyền như mộng để thoát khỏi sự ràng buộc, vướng mắc của các thế giới hiện tướng.

“Đại Huệ! Sao là quán sát ngoại pháp không có tự tánh? Nghĩa là quán sát tất cả pháp như sóng năng, như cảnh mộng, như tóc rủ trước mắt, chỉ toàn là thấy thấy bám dính, hý luận, tập khí xấu ác hư vọng từ vô thủy làm nhân”.

Hý luận là ‘biện luận trên cái không thật có, như lý luận về nước do sóng năng mà tưởng lầm, về một cảnh trong mộng, về tóc rủ do mắt nhòa nhìn thấy. Tất cả những vật, những điều thấy trong cuộc đời chỉ là do thói quen, trí nhớ, tập khí phóng hiện ra mà thành. Như một người từng làm thương tổn chúng ta thì bây giờ thấy người ấy tức thì tập khí khó chịu, ác cảm lại phủ lên kinh nghiệm về người ấy. Thích núi hay thích sông, thích tuyết trắng hay sa mạc, đó là do tập khí tích tập từ các đời trước còn nằm trong tạng thức ở dạng hạt giống, giờ gặp duyên mới hiện hành.

Quán sát tất cả các pháp bên ngoài đều như huyền, như mộng, thấy xuất hiện nhưng không thật hiện hữu vì không

có tự tánh, chỉ là sự chuyển động tương tác của các thức, người ta dần dần thoát khỏi sức mạnh của “tâm hiện, thức biến” này. Đây là thực hành “ba cõi duy chỉ là tâm, muôn pháp duy chỉ là thức”.

Thực hành cho đến khi thuần thục, trực tiếp thể nghiệm “tánh duy thức”, đạt đến như huyền tam muội thì giải thoát, vì đâu còn có cái gì trói buộc, làm vướng mắc được nữa.

“Khi quán sát tất cả pháp như vậy, bèn chuyên cầu tự chứng thánh trí.

Đại Huệ! Đó gọi là Bồ tát đủ bốn pháp thành bậc đại tu hành. Ông nên như vậy mà chuyên cần nỗ lực tu học”.

Thứ tư là “chuyên cầu tự chứng thánh trí”. Thực hành là chuyên cần nỗ lực tu quán sát tất cả các pháp đều do tự tâm hiện nên như huyền như mộng để chứng đắc Như huyền tam muội, Vô sanh pháp nhẫn.

“Chuyên cầu thánh trí tự chứng”, không phải riêng cho mình, Bồ tát còn “chuyên cầu” vì chúng sanh đang lạc vào cảnh mộng huyền mà không biết, lạc lỏng khổ đau mà không tìm được lối ra. Thế nên, “chuyên cầu” còn là sự thực hành với lòng bi dành cho chúng sanh.

Cảnh là do tự tâm hiện nên như huyền, như mộng, vô tự tánh nên là tánh Không. Và cái tự tâm hiện này cũng vô tự tánh, là tánh Không, là vô sanh.

Tất cả pháp không sanh
Tịch tĩnh không sở tác
Tánh mọi sự đều là
Ta nói nghĩa sát na

....

Pháp tương tục không dứt
 Các nẻo phân biệt khởi,
 Vô minh là nhân ấy
 Tâm liền theo đó sanh
 Khi sắc còn chưa đến
 Trung gian, tâm ở đâu?
 Tương tục không dứt, diệt
 Mà riêng có sắc khởi
 Khi sắc, tâm chẳng trụ
 Duyên vào đâu mà sanh?

(Nhập Lăng Già, phẩm Sát na, thứ 6)

Tâm cũng không sanh, trụ, diệt, nghĩa là vô
 tự tánh, tâm là tánh Không, tâm là Vô sanh.

Cả cảnh lẫn tâm đều vô sanh, đều là tánh
 Không, đây là giải thoát rốt ráo.

Trong Bài Nguyện Đại Ấn của đức Karmapa
 đời thứ 3, Rangjung Dorje (1284 - 1339),
 câu 17 và 18:

17. Khi liên tục quán cái tâm không thể
 thấy,
 Thấy rõ ràng nghĩa chân thật như nó là.
 Cắt đứt mọi nghi ngờ về có và không,
 Nguyên bản tánh không lỗi lầm tự phát lộ.

18. Khi quán sát cảnh, thấy tâm hông thấy
 cảnh
 Khi quán tâm, tâm vô tự tánh, là Không.
 Quán cả hai, chấp nhị nguyên tự giải thoát
 Nguyên chứng quang minh thường trụ của
 tâm.

Hư Hư Lục
Thích Nữ Như Thủy

Người Học Trò Hư Nhất

Thomas Edison là một nhà kỹ thuật nổi
 tiếng của Hoa Kỳ hồi đầu thế kỷ thứ 20. Người
 ta kể rằng số lượng những phát minh sáng chế
 của ông nhiều đến nỗi, chỉ riêng những vết chân
 ông đi từ nhà đến phòng cấp bằng phát minh
 cũng đủ làm mòn cỏ để tạo nên một con
 đường rồi.

Khi Edison phát minh ra chiếc máy ghi âm đầu
 tiên cho nhân loại, ông được tổng thống Mỹ mời
 đến tòa bạch cung để làm quen. Tổng thống
 rất hài lòng và kính trọng nhà phát minh nên sau
 khi nghe máy hát, tổng thống hỏi:

- Ông đã tốt nghiệp kỹ sư ở nước ta hay ở Âu
 châu?

Nhà phát minh thời danh mỉm cười, rút ví lấy
 ra một mảnh giấy đã ố vàng, nói:

- Thưa tổng thống, đây là bằng cấp của tôi.

Tổng thống Hayes cầm mảnh giấy đọc và không
 giấu được vẻ bất bình. Đọc xong, ông có dáng
 sừng sờ. Cả cử tọa đều ngạc nhiên. Một vị bộ
 trưởng lấy mảnh giấy và đọc to lên:

- "... Trò Thomas, con trai ông là một học
 sinh dốt lười và hư, hỗn láo. Nếu còn giữ trò lại
 trường e rằng hương thơm mà lâu nay
 trường chúng tôi vẫn có vinh dự được mang,
 sẽ bị thương tổn. Tốt nhất là ông nên cho trò
 này đi chăn lợn thì hơn vì chúng tôi nhận
 thấy rằng, dù trò có mất công đi học thì sau này
 cũng không làm nên trò trống gì cả."

Dưới bức thư là chữ ký và con dấu của ông hiệu
 trưởng trường tiểu học Po. Burôn.

Tổng thống Hayes quyết định chuộc lại lỗi
 lầm của ông hiệu trưởng đối với nhà kỹ
 thuật thiên tài bằng cách ký sắc lệnh đổi tên các
 trường tiểu học ở Po. Burôn thành trường tiểu
 học Thomas Edison.

**TRAO ĐỔI VỚI THẦY CHÂN PHÁP TỪ.
LÀNG MAI CẦN LÀM MỚI,
VÀ NGƯỜI VIỆT NÊN HIỂU ĐÚNG HƠN VỀ TỊNH ĐỘ**
(Nguyễn Hòa thực hiện)

Thầy Chân Pháp Từ, người xuất thân từ Làng Mai của thiền sư Nhất Hạnh, đang trụ trì đạo tràng Tâm Kim Cương, Hawaii, trao đổi với Nguyễn Hòa, tại chùa Phổ Giác, Novato, California. Ngày 25/5/2025.

Nguyễn Hòa: Làng Mai hiện đang được nhiều người trong giới trí thức phương Tây đi theo. Nhưng có vẻ đối với những Phật tử Việt Nam thì những người theo Làng Mai là những người Tây học, nói tiếng Anh, Pháp, trí thức, chứ còn Phật tử bình dân thì không dính dáng tới Làng Mai, thưa thầy có phải như vậy không?

Thầy Chân Pháp Từ: Điều đó không đúng lắm vì pháp môn của Làng Mai không chỉ dành cho những người trí thức. Pháp môn Làng Mai là một trong những cố gắng của sư ông (thiền sư Thích Nhất Hạnh) để làm sống dậy nền Phật giáo Việt Nam đã có mặt từ thế kỷ thứ ba qua pháp môn tu của thiền sư Khương Tăng Hội. Những pháp môn căn bản như là bài tựa An ban thủ ý mà bây giờ chúng ta còn lại trong đại tạng kinh bằng chữ Hán. Những pháp môn căn bản nhất của Phật tử Đại Việt lúc bấy giờ, vào thời kỳ đầu tiếp nhận Phật giáo, là thờ vào, thờ ra, và nó đã trải qua nhiều thế hệ, nhiều truyền thống ảnh hưởng Phật giáo, ở những nước phương bắc, hay là bên Ấn Độ đi qua,...

Trong những năm gần đây sư ông Làng Mai (thiền sư Thích Nhất Hạnh) muốn đem cái nền tảng gốc rễ đó để làm sống lại. Dựa trên kinh Tứ niệm xứ, kinh Quán niệm hơi thở, để làm cho tinh thần Phật giáo Việt

Nam trở về nguồn. Do một số thói quen truyền thống ở một số chùa chiền (làm) người ta không thấy được điều này, nên người ta nghĩ rằng sư ông Làng Mai làm một tông phái khác biệt, nên có một sự hiểu lầm là pháp môn Làng Mai chỉ dành cho một số trí thức, những người tu thiền. Trong quyển *Nhật tụng thiền môn* (Thích Nhất Hạnh) có đầy đủ ba yếu tố Thiền tông, Tịnh độ tông và Mật tông. Đó là bản chất dung hòa của Phật giáo Việt Nam. Người Việt Nam chúng ta (hiện nay) còn có một sự ngăn cách, một ý niệm phân biệt tông phái, thành ra thấy Làng Mai là một sự dị biệt, mà thực ra nó là một sự tiếp nối của Phật giáo Việt Nam, từ cái thuở đầu tiên người Việt tiếp xúc với Phật giáo, với pháp môn tu của đức Thế tôn.

Nguyễn Hòa: Nhiều chùa Việt Nam theo phái Tịnh Độ tông, đến sau từ phương bắc. Có phải là sự đến sau đó che đi cái phần tinh túy (của Phật giáo Việt Nam) đã có trước hay không?

Thầy Chân Pháp Từ: Thiền tập thì đòi hỏi con người ta một sự luyện tập công phu, ví dụ như thói quen tập chánh niệm. Đối với một số niềm tin tín ngưỡng của Tịnh độ, thì dạy cho người ta có niềm tin rằng cứ niệm Phật đi rồi có một đức Phật Di Đà nào đó đến giúp mình. Điều đó không có gì là sai, nhưng nó không thể hiện đủ bản chất của Phật giáo là tự lực. Con người mình tự giải quyết những vấn đề nội tâm, những khó khăn. Do vậy trong cái chủ trương niệm Phật để cầu về cõi Tịnh độ nào xa xôi, phù

hợp với đại đa số quần chúng nhiều hơn. Còn những người có một chút thâm sâu về Phật giáo không coi cái đó là cái cuối cùng, cái chủ yếu.

Chúng ta cũng nên biết rằng quan điểm của người Việt Nam về Tịnh độ rất là cấp tiến, rất triết học, đầy tư tưởng. Ví dụ như tư tưởng của Trần Thái Tông về Tịnh độ, hay sau này của Trần Nhân Tông, người sáng lập thiền phái Trúc Lâm. Quan niệm của người Việt tổ tiên mình ngày xưa về Tịnh độ rất rõ ràng, Tịnh độ là lòng trong sạch, Di Đà là đức sáng soi. Có nghĩa rằng A Di Đà là tượng trưng cho ánh sáng, chánh niệm và trí tuệ. Tịnh độ là mảnh đất sạch, mảnh đất nào không có phiền muộn xảy ra, nơi lòng ta thanh tịnh thì nơi đó là tịnh độ.

Nguyễn Hòa: Nghĩa là giữa Tịnh độ và Làng Mai, không có gì mâu thuẫn cả?

Thầy Chân Pháp Từ: Trong kinh tụng hàng ngày của Làng Mai vào chiều thứ sáu, có tụng kinh A Di Đà.

Nguyễn Hòa: Tức là sự cách biệt giữa những ngôi chùa Tịnh độ Việt Nam bây giờ, và những cách thiền tập trở về với cội nguồn, nằm ở một nguyên nhân khác, chứ không phải là sự khác biệt về tư tưởng?

Thầy Chân Pháp Từ: Trách nhiệm của các vị trụ trì, các vị giáo thọ là không giải thích rõ quan niệm tịnh độ của người Việt, và quan niệm tịnh độ từ Trung Hoa. Quan điểm tịnh độ từ Trung Hoa rất rõ ràng, đó là chỉ cần niệm Phật chăm chú thì mình có thể được bay về cõi tịnh độ. Tịnh độ trở thành một thực thể, một nơi để chúng ta về, và là một lời hứa hẹn sau khi chết ta sẽ được về nơi đó.

Quan niệm của người Việt về Tịnh độ, bắt nguồn từ thế kỷ 13, 14, 15, đặc biệt là Phật giáo Lý Trần, thì quan điểm về tịnh độ là cấp tiến như tôi đã trình bày.

Nhưng đáng tiếc cho người Việt là đầu thế kỷ thứ 15, Đại Việt rơi vào ách đô hộ của nhà Minh. Hai “cán bộ văn hóa” lớn nhất, Hạ Thanh, Hạ Thì, chịu trách nhiệm thiêu hủy văn hóa Việt Nam. Cho nên thư tịch của người Việt Nam về thời đó, còn lại rất ít. Chúng ta còn lại một vài tác phẩm như là Cư trần lạc đạo, Khóa hư lục, Tuệ trung thượng sĩ lục,... rất ít, nhưng trong đó có lộ tả quan điểm của người Việt Nam, mà người Việt chúng ta nên tìm hiểu thấu đáo rõ ràng, và quan điểm đó không khác gì với quan điểm của đức Thế tôn.

Nguyễn Hòa: Thừa thầy, trở lại với Phật giáo nhập thế của sư ông Nhất Hạnh, thì có vẻ như là những người xuất thân từ Làng Mai, như thầy chẳng hạn, trụ trì một ngôi chùa tại Hawaii, và những vị khác nữa rải rác đó đây, phải rời khỏi Làng Mai để có thể đem cái hành trang học vấn của mình, tức là nếu họ vẫn ở trong Làng Mai, thì họ không làm được điều đó?

Thầy Chân Pháp Từ: Thừa rằng vì sư ông có một chủ trương là “đi như một dòng sông”, anh em đi với nhau như một dòng sông, không phải vì một nhu cầu “muốn ra riêng”, làm trụ trì một cõi. Vì có một số quan niệm là khi làm trụ trì sẽ được cúng dường, được người ta tôn trọng, từ đó có cảm giác mình sống như một ông vua ở một cõi. Giống như ta đào một cái ao thả cá, nuôi một số tén đồ trong đó. Sư ông Làng Mai không muốn rơi vào cái cạm bẫy đó, lúc nào cũng mong muốn anh em sống chung với nhau.

Tuy nhiên điều này chỉ phù hợp với hoàn cảnh ban đầu. Ví dụ như một hồ nước trên một đỉnh núi cao, đã tích lũy nước mưa theo năm tháng, rồi đến một lúc nào đó nó đầy, và tràn ra ngoài, tạo thành những dòng suối, dòng sông, chảy ra tới biển thì nó có thể trở thành một con sông vĩ đại.

Nguyễn Hòa: Thầy có thông tin về con số những giọt nước ở khắp các cơ sở của Làng Mai?

Thầy Chân Pháp Từ: Có thể lên đến con số hàng ngàn. Đối với cư sĩ ở địa phương, thì họ có những tầng thân không phải là người xuất gia. Họ có thể là thuộc Phật giáo tiếp hiện (Interbeing, Thích Nhất Hạnh), họ có thể là đại diện cho Phật giáo dân thân.

Nguyễn Hòa: Có sự khác nhau nào giữa những người vẫn ở trong Làng Mai, và những người đã rời Làng Mai như thầy?

Thầy Chân Pháp Từ: Đối với quan niệm cổ chấp thì có một số anh em xem những thành phần đã rời Làng Mai, là không còn nằm trong hệ thống Làng Mai. Nhưng hệ thống chỉ là thủ tục thôi. Anh em huynh đệ gặp nhau vẫn vui được, tuy rằng nó vô tình tạo nên một thói quen phản ứng.

Chẳng hạn bây giờ lên trang mạng Làng Mai, vào từ điển Làng Mai, chúng ta sẽ thấy như là, thầy này không còn trong hệ thống Làng Mai nữa. Câu đó có thể gây ra một sự tổn thương, từ những người ra đi, từ những giọt nước khai nguồn cho những dòng chảy mới. Ví dụ như thầy đang là một dòng chảy mới, các huynh đệ của thầy cũng là những dòng chảy mới.

Làng Mai là một trung tâm tu học, đào

tạo, vậy thì đào tạo để làm gì?

Đào tạo để làm gì nếu không tiếp nối sư ông? Chẳng lẽ đào tạo để ngồi yên trong cái hồ nước đó?

Nói như Tản Đà: Nước đi thì lại về nguồn, bảo cho non chớ có buồn làm chi.

Nếu mình nhìn rộng như vậy, thì cái câu chuyện ở trong hay ngoài là thiếu trưởng thành.

Nguyễn Hòa: Tạm dùng các từ ở trong hay ngoài Làng Mai, thì khi ở trong Làng Mai thì chỉ học những gì Làng Mai soạn, không học cả những kiến thức bên ngoài, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội. Điều đó có đúng không?

Thầy Chân Pháp Từ: Cũng không đúng lắm. Trong Làng Mai không chủ trương đi học ở ngoài, nhưng nhiều anh em đã tốt nghiệp trung học hay đại học bên ngoài. Bên trong Làng Mai thì tinh thần phục vụ rất cao thì việc học ít lại. Cũng có những chương trình cho tăng thân học ở bên trong Làng Mai, nhưng mà sự thiết thời chắc chắn phải có. Theo quan điểm của tôi thì sự cò sát thực tế không còn.

Bây giờ khi sư ông mất rồi, giống như khi người cha mất, thì có những đứa con ở lại giữ từ đường, những đứa khác đi xa. Những anh em rời khỏi Xóm Hạ, Xóm Thượng,... đi xa thì đó là sự dân thân cụ thể nhất.

Nguyễn Hòa: Thầy nói về những vị xuất gia vào Làng Mai khi đã tốt nghiệp trung học đại học rồi, nhưng có những người như thầy khi xuất gia chưa được đi học, nhưng ra ngoài học đại học rồi có bằng master, thì liệu là chỉ với sự học trong Làng Mai, không

ra ngoài, thì liệu có đủ không?

Thầy Chân Pháp Từ: Thầy nghĩ rằng sự ra đi của thầy có một sự thiệt thòi và một sự may mắn. Thiệt thòi là không có những giây phút đầm ấm anh em, nhưng trên con đường du phương cầu học thì mình học hỏi rất nhiều, va chạm rất nhiều, té lên té xuống rồi đứng lên. Cơ hội trực tiếp học với cuộc đời nhiều hơn. Trong Làng Mai thì dễ dàng, ra ngoài mình gặp những ánh mắt khó chịu, những cách khác, những phật tử thế này thế kia. Một số anh em Làng Mai khi rời Làng thì đây là một trở ngại rất lớn.

Nguyễn Hòa: Thừa thầy cái thầy nói là sự va chạm xã hội, nhưng điều tôi muốn nói là những kiến thức bài bản về khoa học tự nhiên, xã hội,... cứ tạm cho đó là kiến thức của thế gian, toán, lý, hóa, khoa học xã hội, những vấn đề về tâm lý,... Nếu tôi nhớ không lầm thì khi cụ Lê Đình Thám chấn hưng Phật giáo vào thế kỷ trước, thì cụ có chương trình cho các vị tăng sĩ trẻ học những chương trình ở ngoài đời như vậy. Liệu cái cách của Làng Mai bây giờ có thỏa mãn được không?

Thầy Chân Pháp Từ: Theo thầy biết thì Làng Mai không thỏa mãn được điều đó đâu. Trong tu viện thì mình tu tập là chính, tự học là chính, chứ không có những trường lớp sư phạm. Sư ông Làng Mai là người tự học không ngừng, nhưng đó là trường hợp cá nhân, vì không phải ai cũng thích học, mà trường lớp có khi lại kích thích sự học. Anh em trong Làng Mai bị thiệt thòi.

Nguyễn Hòa: Thừa thầy điều đó có cần sự cải tổ không?

Thầy Chân Pháp Từ: Tôi nghĩ Làng Mai phải có những phiên bản mới. Bản thân sư

ông Làng Mai là người tiên bộ, luôn mong sự mới mẻ, phù hợp với tình hình mới. Sư ông Làng Mai không phải là người khuôn mẫu, thế kỷ này với thế kỷ kia cũng giống nhau.

Nếu anh em Làng Mai không thấy điều này, là đệ tử mà không hiểu tâm tư của thầy mình, thì là một lỗi lớn. Vì như vậy vô tình biến pháp môn của Làng Mai thành những chủ thuyết để thờ phụng, để tự hào.

Dòng tu Tiếp hiện thành lập năm 1964. 60 năm rồi mà những hướng dẫn hoạt động hình như vẫn chưa có, ngoài quyển sách giải thích 14 giới của Tiếp hiện của sư ông Làng Mai viết trong những năm 1990. Cương lĩnh đào tạo, hướng đi, hướng đào tạo, hướng truyền thừa,... đều không rõ ràng, mơ hồ, sư ông chỉ đề nghị một cách chung chung. Trong một khóa tu tại Houston với anh em Tiếp hiện, và phật tử, tôi có đề nghị mình phải làm mới lại pháp Tiếp hiện.

Nội dung giới luật của Tiếp hiện ra đời trong hoàn cảnh chiến tranh Việt Nam, chiến tranh ý thức hệ. Câu chữ, tư tưởng trong đó phù hợp lúc đó, còn bây giờ ta ở thời bình, phải giải quyết những mâu thuẫn,... thì giáo trình sẽ phải khác hơn, hướng tiếp cận sẽ phải khác hơn.

Những pháp môn tu của sư ông như là đi như một dòng sông, thì đó là thời kỳ đầu, ta chỉ có vài mươi người, ta có cảm giác gầy dựng càng đông càng mạnh, thì điều đó hợp lý, nhưng mà là thời kỳ đầu. Nhưng bây giờ có đến hàng ngàn thì chúng ta không thể ngồi yên trong đó. Làng Mai giống như một vườn ươm, như tên gọi Làng Mai bên Thái Lan là Vườn ươm. Nhưng khi có hàng ngàn cây giống thì đất đâu để sống, nên

phải di chuyển đến những nơi khác.

Đây là điều mà ban giáo thọ của Làng Mai cần làm rõ. Và thầy nghĩ rằng nếu anh em trong và ngoài Làng Mai mà không ngồi lại được với nhau, thì đó là một sự thất bại. Một số phật tử, một số thầy trong Làng Mai có ánh mắt hơi kỳ thị là những người rời Làng Mai là không chính thống. Nếu mà không khéo thì các em sau có thể nhìn các ông thầy này là... thành phần “phản động”.

Nguyễn Hòa: Thưa thầy, bây giờ trong nước cũng như cộng đồng người Việt hải ngoại có nhu cầu tâm linh rất lớn, họ cần thầy hướng dẫn mà không có, trong khi trong cái hồ nước như thầy nói, hay là vườn ươm, thì có hàng ngàn cây giống. Nhu cầu của phật tử và cung cấp của Làng Mai có vẻ không gặp nhau, có vẻ đó là cách tiếp cận “đi như một dòng sông”?

Thầy Chân Pháp Từ: Cái đó cũng đúng một phần. Đó là nỗi ám ảnh của các thầy các cô đi tu, đến một lúc nào đó thấy hồ nước chật hẹp, muốn có một hướng đi, nhưng không tự tin rời Làng Mai vì bị nhìn bằng một ánh mắt rằng không còn trong hệ thống nữa. Đó là điều thiếu nghiêm túc. Có một số người vừa rời Làng Mai còn không dám chụp hình lưu niệm. Đó là một sự ám ảnh mà thầy nghĩ mình đã từng như vậy, rằng tôi là kẻ lạc loài, người không trung thành với sư tổ.

Nhưng suy nghĩ đó không đúng, vì khi mình rời Làng Mai trách nhiệm không phải là cá nhân, mà là một sự tiếp nối.

Với nhu cầu của cộng đồng mà anh nói, thì vừa rời có một số vị của giáo hội (trong nước) nói rằng không thể phủ nhận sự đóng góp tuệ giác của pháp môn Làng Mai

cho Phật giáo.

Nếu anh em Làng Mai ở lại trong đó chỉ để thưởng thức đời sống của “học sinh suốt đời”, thì đó là khuynh hướng lệch lạc, không phải là engaged Buddhism, đạo Phật dân thân.

Nguyễn Hòa: Xin trích lời một nhân vật hoạt động Phật giáo rất tích cực nói với tôi, xin lỗi thầy, là khi nhắc về Làng Mai thì anh ấy nói: các vị Làng Mai ích kỷ lắm.

Thầy có thấy điều đó đáng báo động hay không khi một phật tử thuần thành nói về Làng Mai như thế?

Thầy Chân Pháp Từ: Đây là một tiếng chuông chánh niệm cảnh báo rằng việc đi tu không phải là thưởng thức.

Bốn phạm trù (sống) trong Làng Mai là học, chơi, tu và làm việc. Sư ông không muốn mình ra trụ trì để thưởng thức đời sống trụ trì, dù trụ trì cực lắm. Nhưng nếu chỉ ở trong Làng thì ngược lại với tư tưởng dân thân.

Phê bình của vị phật tử thuần thành đó đúng một phần, phần không đúng là nhu cầu thì lớn mà Làng Mai thực ra bé lắm. Vì vậy tôi nghĩ việc các anh em Làng Mai suy nghĩ là đào tạo cung cấp giáo thọ cho thời cuộc là cấp thiết.

Nguyễn Hòa: Thế thì nếu Làng Mai trở thành một trung tâm đào tạo tăng tài thì có phải là mô hình mới?

Thầy Chân Pháp Từ: Điều đó hợp lý. Xin nhắc lại một lần nữa Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu, nước đi đi mãi lại quay về nguồn chứ không đi luôn. Nghĩ rằng đi rồi đi luôn là một suy nghĩ vụng về. Một trung tâm huấn

luyện có những người ở lại giữ bản doanh, những người ra đi xông pha.

Nguyễn Hòa: Thừa thầy một câu hỏi cuối, một mặt sư ông lo ngại khi ra ngoài trụ trì rồi vui thú với sự trụ trì, nhưng mà ở mãi trong Làng thì không còn là Phật giáo dẫn thân nữa. Làm sao để cân bằng?

Thầy Chân Pháp Từ: Khi ở lại thì sự dẫn thân là trở về để chuyển hóa nội tâm. Khi sự dẫn thân cá nhân đó đủ thì ta phải đem hoa trái đó cho người khác.

Vừa rồi, khi làm Phật đàn ở Hawaii, thì có những huynh đệ về giúp, thì đó cũng là một dòng sông.

Nguyễn Hòa: Theo thầy thì Làng Mai đã phát triển đủ để vượt qua lo ngại của sư ông?

Thầy Chân Pháp Từ: Tôi nghĩ như vậy. Và điều quan trọng là ta không xem sư ông như là một chân lý bất di bất dịch để thờ phụng.

Hư Hư Lục

Thích Nữ Như Thủy

Thế Nào Là Thượng Tọa

Thuở ấy, đức đạo sư đang ngự tại tinh xá Kỳ Viên. Mai sớm, có 30 vị tỳ kheo từ Câu Thi Na đến yết kiến Ngài. Lúc mới vào tịnh xá, nhóm sa môn này gặp một chú tiểu ra vái chào họ. Sau khi đánh lễ đức đạo sư, đoàn sa môn lui ngồi một bên. Phật hỏi họ:

- Sáng giờ, các thầy có gặp một vị Thượng

tọa vừa rời khỏi nơi đây không?

Các thầy sa môn đồng thưa:

- Bạch Thế Tôn, không ạ!

- Các thầy không gặp ai cả sao?

- Thưa, chúng con có gặp một chú tiểu chưa đến 20 tuổi....

- Này tỳ kheo! Vị ấy không phải là một chú tiểu. Đó chính là bậc Thượng tọa mà ta muốn nói.

- Nhưng... chú ấy còn quá trẻ, thưa Thế Tôn.

- Này tỳ kheo! Ta không gọi ai là Thượng tọa vì tuổi tác, vì họ được ăn trên ngồi trước hay đã xuất thân từ dòng dõi danh gia vọng tộc. Chỉ có người nào thấu đạt chánh pháp, cư xử tốt với mọi người, ta mới gọi vị ấy là Thượng tọa.

*Dù tuổi cao mày bạc
Không tịnh hạnh tu trì
Tôn xưng là Hòa thượng
Danh suông chớ ích chi?*

(PC 260)

*Những ai thấu chánh pháp
Tự điều phục thân tâm
Thanh tịnh không nã hại
Mới đáng gọi thượng nhơn*

(PC 261)

Đề Chánh pháp trụ thế lâu dài

Thích Trung Định

Giáo pháp của Đức Phật là kho tàng diệu bảo, là mạch nguồn trí tuệ có công năng gội sạch cấu uế phiền não, đưa đến an lạc giải thoát.

Hương vị giải thoát của Phật pháp luôn trào, quyen tỏa, thấm đẫm vào tâm thức làm vui đi nỗi khổ niềm đau cho nhân thế. Chánh pháp là đạo được Đức Phật giác ngộ, tuyên thuyết, và dẫn lối cho hết thảy chúng sinh thoát khổ về với Niết-bàn an vui giải thoát. Chánh pháp còn hiện hữu thì chúng sinh bớt làm than. Diệu pháp còn tồn tại thì tà pháp suy yếu, lụi tàn. Chánh pháp ấy được Như Lai tuyên thuyết như tiếng rống sư tử oai hùng xua đuổi tà pháp, mở ra cánh cửa vô sinh bất tử. Chánh pháp là ngọn hải đăng, là ánh sáng tuệ giác đưa người vượt qua bờ mê, về với bến giác. Thành ra, tất cả mọi người con Phật dù xuất gia hay tại gia đều mong muốn Chánh pháp cửu trụ (an trụ lâu dài) trên thế gian này.

Sự hiểu đúng, hành trì đúng với tinh thần lời Phật dạy là cách để Chánh pháp cửu trụ thiết thực nhất - Ảnh minh họa

Ý thức được giá trị lớn lao của Chánh pháp đối với cuộc đời ngũ trược ác thế, nên từ các vị Thánh đệ tử, cho đến chư vị Tổ sư qua nhiều thế hệ... đều tìm cách để bảo tồn, duy trì và xiển dương Chánh pháp. Các sự kiện kết tập kinh điển diễn ra trong lịch sử Phật giáo cũng không ngoài mục đích gạn lọc tà giáo, những hiểu biết sai lầm, những hành trì lệch lạc, đồng thời bảo tồn giá trị nguyên bản của lời Phật dạy.

Khi vị hành giả tin hiểu sâu, thấy rõ giá trị đích thực từ lời Phật dạy, và có nhiều pháp lạc khi ứng dụng hành trì thì người ấy luôn mong ước làm sao giáo pháp được phổ cập đến tất cả mọi người, làm sao để Chánh pháp cửu trụ trên thế gian. Với nhiều phương thức để bảo tồn Chánh pháp, trong đó sự hiểu đúng, hành trì đúng với tinh thần lời Phật dạy là cách để Chánh pháp cửu trụ thiết thực nhất.

Theo Luật tạng: “Giới luật là thọ mạng của Phật pháp, giới luật còn thì Phật pháp còn, giới luật diệt thì Phật pháp diệt.” Lời tuyên bố này không chủ đích thể hiện sự khinh trọng giữa kinh và luật, mà nhấn mạnh đến sự hành trì. Khi nào người đệ tử Phật còn ứng dụng hành trì theo lời Phật dạy thì Phật pháp còn tồn tại. Tinh thần này thật rõ ràng và xuyên suốt trong mọi truyền thống Phật giáo. Nên nhớ rằng, chỉ có vi trùng của sư tử mới ăn thịt được sư tử. Cũng vậy, giáo pháp của Đức Phật tồn tại hay hoại diệt đều do chính người đệ tử Phật, chứ không một thế lực ngoại đạo nào có thể làm hủy hoại Chánh pháp được.

Bàng bạc trong rất nhiều bài kinh, Đức Phật không chỉ ân cần dặn dò chúng đệ tử mà còn chỉ dạy pháp hành trì đúng nghĩa để Chánh pháp cửu trụ. Để Chánh pháp trụ thế lâu dài không phải chỉ là sự nỗ lực xây dựng chùa to Phật lớn, không phải chỉ là sự tiếp Tăng độ chúng đông đảo... mà là sự hành trì, sự thật tu, thật hành. Đức Phật dạy, có năm yếu tố đưa đến Chánh pháp hỗn loạn, không an ổn, biến mất, và có năm nguyên nhân đưa đến diệu pháp an trụ, không hỗn loạn, không

biến mất.

“Ở đây, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo không cần trọng nghe pháp; không cần trọng học thuộc lòng pháp; không cần trọng thọ trì pháp; không cần trọng quan sát ý nghĩa các pháp được thọ trì; không cần trọng thực hành pháp và tùy pháp sau khi hiểu ý nghĩa và hiểu pháp. Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến điều pháp hỗn loạn, biến mất.

Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến điều pháp an trụ, không hỗn loạn, không biến mất. Thế nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần trọng nghe pháp; cần trọng học thuộc lòng pháp; cần trọng thọ trì pháp; cần trọng quan sát ý nghĩa các pháp được thọ trì; cần trọng thực hành pháp và tùy pháp sau khi hiểu ý nghĩa và hiểu pháp.”[Kinh Tăng chi bộ]

Ở đây có năm yếu tố cần phải cần trọng. Cần trọng là thái độ cần cầu, quý trọng và cần thận. Cần trọng nghe pháp là sự chú tâm lắng nghe, nghe trong chánh niệm, tâm không phân duyên hay bị hôn trầm - thù miên, trạo cử và nghi ngờ chi phối trong khi nghe giảng pháp. Khi có tâm cần trọng thì nghe đúng lời Phật dạy, chứ không phải Phật nói một đằng lại nghe một nẻo đề rồi tam sao thất bản. Có nhiều khi tai vẫn nghe mà không ghi nhớ, nghe tai này bỏ qua tai kia, hay bỏ ngoài tai thì nghe cũng như không nghe. Cần trọng nghe pháp là văn tuệ, cơ sở đầu tiên để thành tựu tư tuệ và tu tuệ.

Cần trọng học thuộc lòng pháp là khả năng ghi nhớ tụng đọc thuộc lòng ba tạng Kinh, Luật và Luận. Ghi nhớ rõ ràng về văn nghĩa cú, không sai sót, không bỏ quên. Có một truyền thống học thuộc lòng trong giai đoạn đầu của Phật giáo. Phong trào tụng đọc thuộc lòng đóng một vai trò quan trọng trong việc bảo tồn Chánh pháp trước khi

kinh Phật được ghi chép thành văn bản. Tôn giả Ananda là bậc Đa văn đệ nhất, có khả năng ghi nhớ trọn vẹn lời Phật dạy không sót một chữ. Ngày nay, truyền thống tụng đọc thuộc lòng này vẫn được duy trì ở một số nước theo Phật giáo Nguyên thủy, trong đó Miến Điện là quốc gia còn có nhiều vị tinh thông và thuộc lòng trọn vẹn Tam tạng.

Cần trọng thọ trì pháp là yếu tố then chốt vì nó nhấn mạnh đến pháp hành. Muốn nếm trải được hương vị của đạo giải thoát, phải thực hành theo lời dạy của Đức Phật. Vì pháp Phật là đến để mà thấy chứ không phải đến để mà tin suông. Thực hành theo giáo pháp cũng giống như dùng lưỡi nếm hương vị của tô canh, biết hương vị ngon của nó. Còn nếu không thực hành thì như thìa múc tô canh không cảm nhận được sự ngon dở của canh.

Cần trọng quan sát ý nghĩa các pháp được thọ trì là phát triển tuệ giác để thấy được điều nghĩa của pháp. Trong kinh thường nói: “Y kinh giải nghĩa tam thế Phật oan, ly kinh nhất tự tức đồng ma thuyết”. Hành giả cần hiểu rõ chân lý và phương tiện. Kinh là phương tiện đưa đến chân lý, kinh Phật như ngón tay chỉ mặt trăng, hay như chiếc thuyền đưa người qua bờ bên kia. Nếu chấp vào kinh thì như cố bám vào ngón tay mà không thấy mặt trăng, hay cố bám vào con thuyền thì không thể qua bờ bên kia được. Nhưng nếu không nương theo ngón tay thì không thể thấy mặt trăng, không nhờ thuyền thì không thể qua bờ bên kia. Người cần trọng quan sát ý nghĩa các pháp được thọ trì là hiểu được phương tiện và cứu cánh, để không rơi vào cố chấp sai lầm.

Cần trọng thực hành pháp và tùy pháp sau khi hiểu ý nghĩa và hiểu pháp là yếu tố cuối cùng để áp dụng hành trì đúng với chơn thật nghĩa của điều pháp. Khi hành trì đúng đắn

như vậy thì đạt được kết quả an lạc giải thoát ngay bây giờ và tại đây. Mọi yếu tố trên lộ trình tu tập nằm ở chỗ tuệ căn, yếu tố quan trọng cuối cùng của con đường Tam vô lậu học Giới, Định, Tuệ. Chỉ có tuệ mới phá trừ được vô minh, tham ái. Chỉ có tuệ mới đoạn tận được phiền não lậu hoặc, chặt đứt mọi gốc rễ tham ái chấp thủ để đi vào giác ngộ giải thoát.

Cho nên, năm bước căn trọng này là năm yếu tố then chốt, tinh túy của lộ trình học đạo và tu đạo. Nếu thiếu năm bước này thì giáo pháp sẽ hỗn loạn, biến mất; nhưng nếu thực hành theo năm bước này sẽ đưa đến diệu pháp an trụ, không hỗn loạn, không biến mất.

Trong kinh *Twang ung bộ*, Đức Phật cũng dạy có năm pháp khiến cho diệu pháp bị hỗn loạn và biến mất, và cũng có năm pháp đưa đến sự an trụ, bền vững, không biến mất của diệu pháp.

“Này Kassapa, có năm thói pháp khiến cho diệu pháp bị hỗn loạn và biến mất. Thế nào là năm?”

Ở đây, này Kassapa, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sống không tôn kính, không tùy thuận bậc Đạo Sư (Đức Phật); sống không tôn kính, không tùy thuận Chánh pháp; sống không tôn kính, không tùy thuận chúng Tăng; sống không tôn kính, không tùy thuận học giới; sống không tôn kính, không tùy thuận đối với thiền định. Này Kassapa, chính những thói pháp này đưa đến sự hỗn loạn, sự biến mất của diệu pháp.

Và có năm pháp, này Kassapa, đưa đến sự an trụ, bền vững, không biến mất của diệu pháp. Thế nào là năm?”

Ở đây, này Kassapa, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-

ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sống kính trọng, tùy thuận bậc Đạo Sư; sống kính trọng, tùy thuận Chánh pháp; sống kính trọng, tùy thuận chúng Tăng; sống kính trọng, tùy thuận học giới; sống kính trọng tùy thuận thiền định.

Chính năm pháp này, này Kassapa, đưa đến sự an trụ, bền vững, không biến mất của diệu pháp.” [Kinh *Twang ung bộ*]

Năm nội dung này nêu lên thông điệp rằng chỉ có pháp hành mới mang lại giải thoát cho tự thân và mới bảo tồn được Chánh pháp. Khi nào người đệ tử Phật sống với tâm cung kính, tôn trọng, thực hành theo thánh giới uẩn, thánh định uẩn và thánh tuệ uẩn; thừa tự pháp, không thừa tự tài vật, thì Chánh pháp luôn được quang minh sáng rạng. “Này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp do Ta chứng ngộ và giảng dạy, các người phải khéo học hỏi, thực chứng, tu tập và truyền rộng để cho phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người? Chính là Bốn Niệm xứ, Bốn Chánh cần, Bốn Thần túc, Năm căn, Năm lực, Bảy Bồ-đề phần, Tám Thánh đạo phần. Này các Tỷ-kheo, chính những pháp này do Ta chứng ngộ và giảng dạy, mà các người phải khéo học hỏi, thực chứng, tu tập và truyền rộng để phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng của đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người” [Kinh *Trường bộ*, kinh Đại Bát Niết-bàn]. Đó mới thật là bảo vệ Chánh pháp.

Thích Trung Định

LỜI GIỚI THIỆU

HÀNH TRÌNH MUÔN KIẾP NHÂN SINH

Nguyễn Văn Phước

Tôi chưa từng có dịp gặp tác giả Nguyễn Phong. Trước đó, tôi biết đến ông như một nhà khoa học nổi tiếng thế giới và cũng là người phóng tác, viết lại những tác phẩm về văn hóa, tâm linh kinh điển mà nhiều thế hệ bạn đọc Việt, trong đó có tôi, hằng yêu mến. Hơn năm năm trước tôi có nhân duyên được trò chuyện cùng tác giả Nguyễn Phong về những bí ẩn liên quan đến tác phẩm kỳ bí nổi tiếng Hành Trình về Phương Đông - tác phẩm ra đời gần nửa thế kỷ trước nhưng không một ai trên thế giới có thể truy tìm được bản gốc, để biết bao độc giả nhiều thế hệ còn thắc mắc và khiến một nhà xuất bản ở Mỹ phải dịch ra tiếng Anh từ nguyên bản tiếng Việt mà Nguyễn Phong đã phóng tác. Tôi đã hiểu rộng hơn nghĩa phóng tác - là có thể viết theo tiềm thức của mình, bằng kiến thức và những chiêm nghiệm cuộc sống. Và tôi đã nghiệm ra, có những người Việt vô cùng khiêm nhường nhưng không hề thua kém bất cứ ai trên thế giới rộng lớn này. Tôi đã may mắn được ông chia sẻ nhiều câu chuyện trong nhiều năm. Vào một đêm khuya năm 2016, trong cuộc trò chuyện kéo dài gần về sáng, tôi đã hỏi ông về Nhân quả và Luân hồi. Ông đã kể lại một mối nhân duyên xảy ra nhiều năm trước, về Thomas - một doanh nhân nổi tiếng ở New York - và những câu chuyện tiền kiếp của mình. Tôi đã vô cùng ngạc nhiên và linh cảm rằng câu chuyện này có liên quan đến những trở trăn trước giờ của tôi, và chắc cũng của rất nhiều người. Tôi rất mong tác giả Nguyễn Phong có thể viết lại những câu chuyện đó thành một cuốn sách. Ông im lặng không trả lời, và cũng không nhắc lại chuyện này trong

những cuộc nói chuyện tiếp theo. Bẵng đi hơn hai năm, tôi bất ngờ nhận được thư điện tử của ông, trong đó là những chương đầu tiên của cuốn sách mà ông đặt tên là Muôn Kiếp Nhân Sinh. Đọc xong, tôi đã thầm nghĩ không thể có cái tên nào chính xác hơn. Tôi biết được rằng trong hai năm qua ông đã bay sang New York nhiều lần, phỏng vấn, trò chuyện với ông Thomas để thực hiện cuốn sách. Trước đó, tác giả Nguyễn Phong đã liên lạc với ông Thomas để hỏi xin ý kiến về việc viết một cuốn sách kể lại các câu chuyện tiền kiếp mà ông từng chia sẻ. Ban đầu ông không chắc ông Thomas sẽ chấp nhận, vì nhiều câu chuyện quá riêng tư, nhạy cảm, nhưng bất ngờ thay, Thomas đã đồng ý. Muôn Kiếp Nhân Sinh là một bức tranh lớn với vô vàn mảnh ghép cuộc đời, là một cuốn phim đồ sộ, sống động về những kiếp sống huyền bí, trải dài từ nền văn minh Atlantis hùng mạnh đến vương quốc Ai Cập cổ đại của các Pharaoh quyền uy, đến Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ ngày nay - nơi nhân vật chính Thomas, người bạn tâm giao lâu năm của tác giả Nguyễn Phong - đang sống.

Muôn Kiếp Nhân Sinh cung cấp cho bạn đọc kho kiến thức mới mẻ, vô tận của nhân loại lần đầu được hé mở, cùng những phân tích uyên bác, tiên đoán bất ngờ về hiện tại và tương lai thế giới của những bậc hiền triết thông thái. Thông điệp quan trọng xuyên suốt của tác phẩm thức tỉnh con người chính là nguồn gốc và cách thức vận hành luật Nhân quả và Luân hồi của vũ trụ. Đời người tưởng chừng rất dài nhưng lại trôi qua rất nhanh, sinh vượng suy tử, mong manh như

sóng nước. Luật Nhân quả cực kỳ chính xác, chi tiết, phức tạp, được thu thập qua nhiều đời, nhiều kiếp, liên hệ tương hỗ đan xen chặt chẽ lẫn nhau, không ai có thể tính được tích đức này có thể trừ được nghiệp kia, không ai có thể biết được khi nào nhân sẽ trở quả. Nhưng, một khi đã gây ra nhân thì chắc chắn sẽ gặt quả - luật Nhân quả trước giờ không bao giờ sai. Những xung lực, năng lượng vô hình của vũ trụ qua luật Luân hồi và Nhân quả đã tạo nhân duyên để người này gặp người kia. Gặp nhau có khi là duyên, có khi là nợ; gặp nhau có lúc để trả nợ, có lúc để nối lại duyên xưa. Có biết bao việc diễn ra trong đời, tưởng chừng như là ngẫu nhiên nhưng thật ra đã được sắp đặt từ trước. Luân hồi là một ngôi trường rộng lớn, nơi tất cả con người, tất cả sinh vật đều phải học bài học của riêng mình cho đến khi thật hoàn thiện mới thôi. Nếu không chịu học hay chưa học được trọn vẹn thì buộc phải học lại, chính xác theo quy luật của Nhân quả. Có người có cơ duyên được chứng kiến luật Nhân quả hay Luân hồi, có người thì không, điều đó còn phụ thuộc vào cơ duyên, nhận thức, trải nghiệm và niềm tin ở mỗi người.

Một lời tri ân chân thành tới tác giả Nguyễn Phong - người đã dày công viết nên cuốn sách đặc biệt này - là không đủ. Qua những lần trò chuyện, tôi nhận ra ông chỉ có một ước mong duy nhất khi viết cuốn sách này. Xin được cảm ơn ông Thomas - vì tất cả. Xin được chia sẻ cùng bạn đọc những chiêm nghiệm sâu sắc, tâm huyết nhất của ông: “Hiện nay thế giới đang trải qua giai đoạn hỗn loạn, xáo trộn, mà thật ra thì mọi quốc gia đều đang gánh chịu những nghiệp quả mà họ đã gây ra trong quá khứ. Mỗi quốc gia, cũng như mọi cá nhân, đều có những nghiệp quả riêng do những nhân mà họ đã gây ra. Cá nhân thì có ‘biệt nghiệp’ riêng

của từng người, nhưng quốc gia thì có ‘cộng nghiệp’ mà tất cả những người sống trong đó đều phải trả. Hãy nhìn khắp thế giới hiện nay với hơn bảy tỷ người, có bao nhiêu người đang hành động độc ác, vô nhân tính? Có những quốc gia đang đối xử với người khác tàn độc như thế nào? Có biết bao cái chết thương tâm và cuộc sống bi đát của nhiều con người vô tội đã và đang diễn ra? Hãy thử nghĩ nếu tất cả đều chịu học hỏi và hiểu rõ về Nhân quả, biết rõ một khi ‘gieo nhân gì sẽ gặt quả đó’ thì có ai dám hành động như thế không? Thường thì con người, khi hành động, ít ai nghĩ đến hậu quả, nhưng một khi hậu quả xảy đến thì họ nghĩ gì, làm gì? Họ oán hận, trách trời, trách đất, trách những người chung quanh đã gây ra những hậu quả đó? Có mấy ai biết chiêm nghiệm, tự trách mình và thay đổi không? Đó là động lực để tôi chia sẻ những câu chuyện chưa từng kể với ai này - dù có những điều thiên cơ bất khả lộ - và chấp thuận để anh chia sẻ những trải nghiệm, bài học vô tiền khoáng hậu này với các bạn của anh, để viết thành một cuốn sách cho nhiều người trên thế giới cùng chiêm nghiệm - giữa lúc hành tinh đang gặp nhiều tai ương, biến động từng ngày. Tôi mong chúng ta - những cánh bướm bé nhỏ rung động mong manh cũng có thể tạo nên những trận cuồng phong mãnh liệt để thức tỉnh mọi người. Tương lai của mỗi con người, mỗi tổ chức, mỗi quốc gia và cả hành tinh này sẽ ra sao trong giai đoạn sắp tới là tùy thuộc vào thái độ ứng xử, nhìn nhận và thức tỉnh của từng cá nhân, từng tổ chức, từng quốc gia đó tạo nên. Nếu muốn thay đổi, cần khởi đầu bằng việc nhận thức, chuyển đổi tâm thức, lan tỏa yêu thương và chia sẻ sự hiểu biết từ mỗi người chúng ta trước. Nhân quả đừng đợi thấy mới tin. Nhân quả là bảng chỉ đường, giúp con người tìm về thiện lương“.

Nguyễn Văn Phước

PHẦN MỞ ĐẦU

ĐÀI BẮC

NHÂN DUYÊN

Năm 2008, tôi có dịp tham dự một hội thảo khoa học tại Đài Bắc. Nhân dịp đó, tôi liên lạc với một người bạn thân, giáo sư Raymond Yeh, đề đến thăm ông này. Giáo sư Yeh là cựu Trưởng khoa Khoa học Máy tính tại trường Đại học Texas và Đại học Maryland. Ông là một nhà khoa học, là tác giả của rất nhiều tài liệu nghiên cứu và của mười cuốn sách giáo trình được dạy trong các trường đại học tại Hoa Kỳ. Ông đã đào tạo nhiều thế hệ khoa học gia và giáo sư nổi tiếng ngày nay. Mặc dù đã về hưu và sống tại Đài Bắc nhưng ông vẫn tiếp tục hoạt động trong lĩnh vực khoa học và có tầm ảnh hưởng lớn trên thế giới. Giáo sư Yeh vui mừng mời tôi ghé qua tư gia ăn tối. Điều bất ngờ là trong bữa ăn đó cũng có sự hiện diện của phi hành gia Edgar Mitchell [1] và một người bạn của ông tên là Thomas K, cũng đến thăm giáo sư Yeh. Giáo sư Yeh mở đầu giới thiệu với mọi người: - Phi hành gia Edgar Mitchell là một nhà khoa học lỗi lạc với nhiều công trình nghiên cứu nổi tiếng về không gian tại Đại học Harvard và Viện Công nghệ Massachusetts (MIT). Ông là một trong sáu người đã đặt chân lên mặt trăng bằng phi thuyền Apollo 14 vào ngày 31 tháng 1 năm 1971. Trên hành trình trở về trái đất, nhìn qua cửa sổ của phi thuyền, ông thấy trái đất thật nhỏ bé so với vũ trụ bao la và bất ngờ trải nghiệm một cảm giác bình an lạ lùng không thể diễn tả. Khi trở về, ông tìm đủ mọi cách để tìm hiểu về cái cảm giác đó. Là nhà khoa học, Edgar Mitchell cố gắng nghiên cứu để giải thích sự bình an lạ lùng này qua các lý thuyết khoa học nhưng

không thành công. Ông quy tụ một số khoa học gia nổi tiếng, thành lập một viện nghiên cứu về mối liên hệ giữa khoa học và trải nghiệm nội tâm (Institute of Noetic Science); nhưng qua nhiều năm, những nhà khoa học lỗi lạc nhất này cũng chưa thể đi đến một kết luận nào cả. Do đó, lần này tôi mời ông ấy đến gặp Hòa thượng Thánh Nghiêm, mong rằng ngài có thể giúp ông ấy giải đáp thắc mắc về trải nghiệm này. Trong bữa ăn tối hôm đó, chúng tôi đàm đạo thân mật về các lý thuyết khoa học vừa được phát minh vào lúc đó. Tôi nhận thấy phi hành gia Mitchell là người có đầu óc cởi mở, với sự hiểu biết rộng và sâu sắc hơn những nhà khoa học khác mà tôi đã gặp.

Ông Mitchell nói:

- Các phát minh khoa học mới nhất hiện nay đang thúc đẩy nhân loại phải thay đổi cách suy nghĩ và quan niệm của họ, ngay cả với những gì mà trước đây chúng ta vẫn cho là đúng. Càng ngày càng có thêm nhiều khám phá mới, dữ kiện mới, có thể hoàn toàn thay đổi nền tảng khoa học mà chúng ta đã xây dựng từ mấy trăm năm nay. Thí dụ như, trong nhiều thế kỷ, chúng ta đã tin rằng trái đất là trung tâm của vũ trụ và mọi hành tinh, kể cả mặt trời, mặt trăng đều quay quanh trái đất. Dĩ nhiên hiện nay chúng ta biết rằng điều này hoàn toàn sai. Mặt trời chỉ là trung tâm của một Thái Dương hệ, quả đất của chúng ta và các hành tinh liên hệ đều quay quanh mặt trời. Tuy nhiên, vũ trụ thì vô cùng rộng lớn và có rất nhiều Thái Dương hệ khác mà chúng ta chưa biết đến. Theo ước tính của Cơ quan Hàng không và Vũ trụ Mỹ (NASA) thì có khoảng hơn một tỷ Thái Dương hệ trong vũ trụ bao la mà Thái Dương hệ của chúng ta chỉ là một phần nhỏ trong đó. Ông Mitchell bất chợt trầm ngâm, giọng xúc động:

– Chỉ khi con người đi ra ngoài không gian mới thật sự thấy được chúng ta quá nhỏ bé giữa vũ trụ bao la ngoài sức tưởng tượng này. Hiện nay, chúng ta biết rằng sự sống đã có mặt trên trái đất này từ hàng triệu năm nay, nhưng biết đâu sự sống cũng có thể hiện hữu ở các hành tinh khác hay các Thái Dương hệ khác nữa. Chúng ta cho rằng loài người là thông minh nhất khi so sánh với các loài vật, nhưng biết đâu có những sinh vật thuộc hành tinh khác còn thông minh hơn mà chúng ta chưa hề biết đến. Cách đây không lâu, chúng ta cho rằng vật thể nhỏ nhất trên thế giới là phân tử (Molecule), nhưng sau đó chúng ta tìm ra nguyên tử (Atom) và nghĩ rằng nguyên tử là vật thể nhỏ nhất. Hiện nay, chúng ta biết rằng nguyên tử không phải là nhỏ nhất mà còn có những hạt lượng tử nhỏ hơn nhiều (Quark). Nếu chúng ta tiếp tục nghiên cứu thì có lẽ sẽ còn có những thứ nhỏ hơn nữa. Do đó, kiến thức của chúng ta luôn luôn thay đổi theo các khám phá mới của khoa học. Nếu chúng ta có thể chứng minh được rằng hạt vi lượng (Neutrino) di chuyển nhanh hơn vận tốc ánh sáng thì quan niệm về thuyết Tương đối của Einstein phải thay đổi và quỹ đạo của mọi hành tinh trong vũ trụ sẽ khác hẳn những gì chúng ta đo được ngày nay.

Ông ngừng lại và nhấn mạnh từng chữ:

– Vấn đề là chúng ta sẽ phản ứng như thế nào với những dữ kiện mới được khám phá? Liệu chúng ta có chấp nhận rằng những gì chúng ta tin tưởng từ bấy lâu nay chỉ là những lý thuyết không còn giá trị nữa không? Hay chúng ta vẫn bám chặt lấy quan niệm cũ vì đã coi chúng như là chân lý tuyệt đối?

Giáo sư Yeh đồng tình tiếp lời:

- Khoa học thực nghiệm chỉ là tập hợp những kiến thức thu tập được từ nhiều cuộc thí nghiệm, với những dữ liệu được đo lường, quan sát và kiểm chứng. Là khoa học gia, chúng ta luôn luôn tìm kiếm, học hỏi và nghiên cứu dựa trên lý luận, đặt ra những giả thuyết, rồi chứng minh rằng chúng đúng hay sai. Tất cả những gì chúng ta xây dựng đều hoàn toàn dựa vào các công cụ đo lường; nhưng với sự tiến bộ của khoa học, khi các công cụ này ngày một tinh vi hơn, chính xác hơn, chúng ta sẽ tìm thêm được những dữ liệu mới để bổ sung cho những dữ liệu trước và tiếp tục xây dựng nền khoa học hiện nay. Nói cho đúng thì khoa học thực nghiệm là một tiến trình luôn luôn thay đổi để bổ sung cho những gì bất toàn trước đây.

Ông Mitchell mỉm cười:

- Nhưng sẽ có một lúc nào đó chúng ta tìm ra những dữ liệu hoàn toàn khác với những dữ liệu trước đó. Chúng ta sẽ đặt ra những giả thuyết mới để thay đổi các quan niệm hiện tại và chúng ta sẽ có một cuộc cách mạng khoa học lật đổ tất cả những gì chúng ta xây dựng trước đây.

Bất chợt, ông Mitchell quay qua hỏi tôi:

–Anh cũng là một nhà khoa học, vậy anh nghĩ như thế nào?

–Tôi suy nghĩ, rồi trả lời: - Một cuộc cách mạng khoa học như thế có lẽ cần nhiều thứ hơn là việc đưa ra một lý thuyết mới để đánh đổ những lý thuyết trước. Theo tôi nghĩ, trước hết, chúng ta phải nghiệm lại các quan niệm trước để tìm hiểu tại sao chúng không còn đúng nữa. Như giáo sư Yeh đã nói, nếu chúng ta phát minh ra những công cụ tinh vi hơn, chính xác hơn, thì chúng ta hiểu rằng công cụ trước đây không hoàn hảo. Nếu

chúng ta có thể chứng minh rằng những dữ liệu mới này hợp lý hơn, chính xác hơn, giá trị hơn, thì chúng ta có thể đưa ra bằng chứng để biện minh cho lý thuyết mới này và thay thế lý thuyết trước đã không còn giá trị nữa. Tuy nhiên, tôi nghĩ có lẽ sẽ phải mất nhiều thời gian để thay đổi tư duy của mọi người. Chúng tôi tiếp tục thảo luận về các phát minh khoa học, nhưng phần lớn là cuộc đối thoại giữa phi hành gia Mitchell và giáo sư Yeh. Tôi và ông Thomas chỉ ngồi nghe, đôi khi thêm vào vài câu xã giao. Tôi thấy ông Thomas chăm chú vào cuộc đối thoại, thỉnh thoảng lại mỉm cười nhưng không nói gì. Có lẽ vì ông là một doanh nhân chứ không phải là khoa học gia như chúng tôi nên ông kiệm lời hơn. Sau bữa ăn, ông Mitchell hỏi tôi:

- Ngày mai chúng tôi sẽ đến gặp Hòa thượng Thánh Nghiêm, anh có muốn đi cùng với chúng tôi không? Dĩ nhiên tôi không thể từ chối một cơ hội hiếm có như vậy. Buổi gặp gỡ được sắp đặt trước này diễn ra tại giảng đường Đại học Đài Bắc cho một số sinh viên và giáo sư tham dự. Giáo sư Yeh là người chủ trì buổi nói chuyện. Giáo sư Yeh bắt đầu cuộc gặp mặt:

- Mitchell, ông hãy kể về trải nghiệm lạ lùng khi bay trên không gian vũ trụ cho Hòa thượng Thánh Nghiêm nghe và hỏi ngài về những thắc mắc của ông đi. Phi hành gia Mitchell lên tiếng: - Thưa Hòa thượng, sau khi hoàn tất sứ mệnh trên mặt trăng, chúng tôi bắt đầu bay trở về trái đất. Khi bay trong không gian, phi thuyền của chúng tôi phải liên tiếp xoay tròn theo trục di chuyển 360 độ để giảm sức nóng phát ra từ ánh sáng mặt trời. Do đó, cứ mỗi hai phút thì tôi lại nhìn thấy trái đất, mặt trăng và mặt trời qua cửa kính của phi thuyền. Tôi cũng phải nói thêm là bên ngoài không gian, vì không có bầu

khí quyển nên chúng tôi nhìn thấy các hành tinh rất rõ. Khi ở trên trái đất, chúng ta nhìn lên bầu trời và thấy các vì sao lấp lánh vì ảnh hưởng của bầu khí quyển; nhưng trong không gian, tất cả đều sáng rõ như một mạng lưới khổng lồ với hàng ngàn hàng vạn vì sao trông như những hạt kim cương tỏa sáng. Đó là một hình ảnh tuyệt vời đối với các phi hành gia chúng tôi lúc đó. Ngày nay, mọi người đều có thể nhìn thấy hình ảnh này qua kính viễn vọng Hubble, hay qua các hình ảnh mà Cơ quan Hàng không và Vũ trụ Mỹ chụp được và đưa lên mạng. Nếu quan sát kỹ, chúng ta sẽ thấy vũ trụ đẹp vô cùng, không lời nào có thể diễn tả được. Là một nhà khoa học, tôi biết rằng tất cả những tế bào, những nguyên tử trong cơ thể tôi, hay cơ thể của những người bạn tôi trong phi thuyền, và ngay cả những nguyên tử cấu tạo nên phi thuyền, đều phát xuất từ hành tinh của chúng ta hay chính là khởi nguồn trong vũ trụ. Mọi hiện tượng vật chất đều phát xuất từ vũ trụ này. Từ đó, tôi ý thức rằng thân thể của tôi và tất cả mọi vật trong vũ trụ không có gì sai biệt. Thay vì là một cá thể độc lập, một thành phần riêng rẽ, tôi ý thức rằng tất cả cùng chung một nguồn gốc. Ngay khi đó, toàn thân tôi bỗng nhiên rung động mãnh liệt. Tôi thấy mình chìm đắm trong một cảm giác bình an lạ lùng không thể diễn tả. Trải nghiệm này tiếp tục diễn ra mỗi khi tôi không bận rộn. Là phi hành gia, dĩ nhiên chúng tôi rất bận vì vừa phải điều khiển phi thuyền, vừa phải hoàn thành những thí nghiệm khoa học trong phi thuyền, nhưng thỉnh thoảng tôi cũng dừng lại nhìn ra ngoài cửa sổ để chiêm ngưỡng vẻ đẹp diệu kỳ của vũ trụ và cảm nhận cảm giác bình an lạ lùng này. Với mỗi vòng quay của phi thuyền, tôi lại nhìn thấy trái đất, mặt trăng, mặt trời, cùng các vì tinh tú lấp lánh. Tôi thấy vũ trụ giống như một tấm lưới với hàng triệu vì sao toát ra thứ ánh sáng rực rỡ, và tôi ý thức rõ ý niệm “vạn vật đồng nhất

thể”. Tôi hiểu rằng nếu đã đồng nhất với tất cả thì vạn vật đều liên quan chặt chẽ với nhau, không thể tách rời được. Đây là một quan niệm mới lạ mà từ trước đến nay, các nhà khoa học chúng tôi không ai nghĩ đến. Trong trải nghiệm bình yên đặc biệt đó, tôi tự hỏi: “Tôi thực sự là ai? Tôi từ đâu tới đây? Rồi tôi sẽ đi về đâu? Vũ trụ được hình thành và có mối liên hệ như thế nào với trái đất cùng những con người sống ở đó? Có phải chúng tôi, những người đầu tiên du hành ra ngoài không gian, đã cảm nhận được sự tương quan rõ rệt giữa con người và vũ trụ, khác hẳn với ý niệm của những người chưa từng rời trái đất?”. Từ ý niệm này, tôi nghĩ rằng có lẽ đã đến lúc phải tìm cách thay đổi các quan niệm định kiến chật hẹp đã giam cầm bao nhiêu thế hệ từ trước đến nay bằng một quan niệm mới về sự tương quan giữa con người và vũ trụ. Có lẽ các định luật khoa học, các kiến thức được xây dựng từ ngàn xưa sẽ phải thay đổi khi chúng ta nhìn lại tất cả những gì chúng ta đã làm trên trái đất này, sau khi chứng kiến sự nhỏ bé của chúng ta so với vũ trụ bao la. Ngay như nền khoa học hiện đại bắt đầu khoảng bốn trăm năm trước với Isaac Newton cũng sẽ phải thay đổi khi con người bước ra khỏi tầm ảnh hưởng của sức hút trái đất. Khi lan man nghĩ đến đó, tôi chợt nghĩ đến những bậc tiên phong như Copernicus, Galileo và những nhà khoa học lỗi lạc khác đã đưa ra ý kiến về sự tương quan giữa trái đất và vũ trụ nhưng phải chịu đựng sự chống đối, kỳ thị của những quan niệm thiên cận, hẹp hòi lúc bấy giờ. Người thì bị thiêu sống, người thì bị giam cầm cho đến chết, nhưng sự thật vẫn là sự thật, không thể chối cãi. Tất cả khuynh hướng bảo thủ, hẹp hòi trước sau cũng phải thay đổi khi người ta biết hướng tầm mắt lên cao, xóa bỏ thành kiến cũ và mở rộng tâm hồn để nhìn ra vũ trụ bao la.

Phi hành gia Mitchell ngừng lại suy nghĩ, rồi tiếp tục: - Khi trở về trái đất, tôi luôn thắc mắc về cái cảm giác bình an lạ lùng này. Tôi tìm đọc rất nhiều sách vở khoa học nhưng không tìm thấy gì có thể giải thích hiện tượng trên. Tôi chuyển qua nghiên cứu các sách vở tôn giáo của phương Tây nhưng cũng không tìm được gì. Tôi tìm đến những học giả thông thái nhưng không ai có thể trả lời được thắc mắc của tôi. Một người bạn khuyên tôi nên tìm đọc các tài liệu về tôn giáo phương Đông, và tôi bắt đầu nghiên cứu Phật giáo, nhất là các sách nói về đại định (Samadhi). Tôi thấy có sự trùng hợp giữa trải nghiệm mà tôi đã trải qua trên không gian với trải nghiệm của các hiền triết phương Đông, khi họ diễn tả về trạng thái thiền định. Giáo sư Yeh chợt hỏi: - Phải chăng cảm giác đó là thấy mình hợp nhất với vạn vật? Phi hành gia Mitchell trả lời:

- Đúng thế, lúc đó tôi không thấy có sự khác biệt giữa mình và vạn vật nữa. Cái cảm giác hòa hợp, rung động cùng với sự chuyển động của vũ trụ, là một trải nghiệm kỳ lạ không thể diễn tả được bằng lời. Giáo sư Yeh quay sang hỏi Hòa thượng Thánh Nghiêm:

- Bạch Hòa thượng, theo quan niệm của Phật giáo, trải nghiệm không còn thấy sự phân biệt giữa mình và vạn vật của phi hành gia Mitchell có phải là một sự chứng ngộ không? Hòa thượng Thánh Nghiêm mỉm cười nhìn ông Mitchell:

- Trước hết tôi rất mừng cho phi hành gia Mitchell đã có một trải nghiệm đặc biệt. Trong hàng ngàn, hàng vạn người, không mấy ai có được trải nghiệm như thế. Trong cuộc sống, khi người ta trải nghiệm một điều gì đó hoàn toàn mới mẻ, có thể thay đổi hẳn các trải nghiệm cá nhân từ trước, ta có thể

coi đó như là một sự chứng ngộ. Tuy nhiên, đó cũng có thể chỉ là một cảm giác nhất thời. Thí dụ như, cách đây không lâu, một đệ tử của tôi cũng có một trải nghiệm đặc biệt. Sau một khóa tu thiền kéo dài bảy ngày, anh ta trở về nhà. Trên đường về, anh ta thấy tất cả cây cối, hoa lá, từ những con côn trùng nhỏ bé cho đến những chiếc lá cây, ngọn cỏ đều vui mừng chào đón anh. Anh cảm nhận được một niềm an lạc tuyệt vời như hòa nhập với ngoại cảnh và tin rằng mình đã chứng ngộ. Anh vội vã trở lại kể cho tôi nghe về trải nghiệm đó. Tôi nói với anh rằng tuy đó là một khoảnh khắc trải nghiệm tuyệt vời nhưng cũng có thể biến đi ngay trong chốc lát. Đừng coi cảm giác đó là một sự chứng ngộ. Nếu không tin, anh hãy thử trở lại khu vườn đó để xem những cây cỏ, hoa lá, muông thú có chào đón anh như trước không. Khi quay trở lại, anh không cảm nhận được trải nghiệm như trước nên đã hỏi: “Làm thế nào để con có thể lấy lại cái cảm giác tuyệt vời đó?”. Tôi trả lời: “Không ai có thể sở hữu mãi mãi trải nghiệm đã qua đó. Nếu muốn nắm giữ nó mãi thì anh thật tham lam. Có được trải nghiệm này chỉ là một kết quả của quá trình tu tập mà thôi. Đó không phải là sự chứng ngộ như anh kỳ vọng. Mục đích của tu tập thiền định là để phát triển trí tuệ và xóa bỏ bản ngã. Nếu chúng ta đạt đến trạng thái Vô ngã thì thế giới này còn tồn tại nữa không? Nếu chúng ta đạt đến trạng thái Tâm vô phân biệt thì làm gì còn có chúng ta hay thế giới này nữa? Đối với đa số mọi người, thế giới này thật sự hiện hữu, nhưng đối với những người đã chứng ngộ thì thế giới này chỉ là huyền ảo, không có thật, do đó tất cả trải nghiệm dù là trải nghiệm gì đi chăng nữa, cũng chỉ là huyền ảo chốc lát mà thôi. Chúng ta không nên để ý đến nó hay muốn nắm giữ nó mãi làm gì”.

Giáo sư Yeh hỏi thêm:

- Bạch Hòa thượng, như thế thì dù chúng ta có được những trải nghiệm gì cũng không nên bám víu vào nó hay sao? Hòa thượng Thánh Nghiêm trả lời:

- Cho dù trải nghiệm đó diễn ra thế nào đi nữa, hãy để cho nó đến và đi một cách tự nhiên. Có thể nó chỉ là điều xuất phát từ tâm thức, sẽ thay đổi, vì tất cả mọi sự đều sẽ đổi thay. Dù nó hiện hữu như thật, vẫn hãy coi nó chỉ là những hiện tượng của tâm thức mà thôi. Tuy nhiên, đối với những người đã trải nghiệm, rồi hoàn toàn thay đổi nhận thức của họ và luôn luôn sống với tâm thức đó, thì chúng ta có thể kết luận rằng người đó đã chứng ngộ. Theo quan niệm của Phật giáo, người này đã có một “nhân” lành từ trước và đến nay nó bắt đầu trở “quả”. Hòa thượng Thánh Nghiêm chia sẻ tiếp:

- Phi hành gia Mitchell là một nhà khoa học, nhưng không thể giải thích trải nghiệm đó bằng lý luận của khoa học, không thể chứng minh nó qua các cuộc thí nghiệm, hay tạo ra lý thuyết bằng phương pháp luận lý. Ông tin rằng đây là một kiến thức mới, mà khoa học cần khám phá, nghiên cứu thêm. Tuy nhiên, ông nên biết rằng cảm giác đó là một trải nghiệm tâm linh nằm trong phạm trù của tôn giáo mà khoa học không thể giải thích. Triết học hay luận lý học cũng không thể giải thích được, vì nó là một trải nghiệm tinh thần xảy ra cho một người duy nhất - là ông mà thôi. Trải nghiệm ấy đã làm thay đổi hoàn toàn cách suy nghĩ của ông.

Từ đó, ông cảm thấy nó trở thành một phần của ông, không thể tách rời ra được nữa. Trải nghiệm này vượt khỏi phạm trù của khoa học bởi vì những người trải nghiệm được việc này không thể diễn tả, giải thích được, không thể chứng minh được, và cũng không ai có cùng một trải nghiệm tương tự như thế, nó là

một trải nghiệm có tính chất duyên căn cá nhân. Ai uống nước thì tự mình biết nóng hay lạnh. Trong trường hợp của ông, chỉ mình ông cảm nhận được sự an lạc hòa hợp cá nhân vào vũ trụ, nhập với tất cả, không còn phân biệt giữa mình và vũ trụ nữa. Lúc đó cũng có các phi hành gia khác ở trong phi thuyền. Tại sao họ không có được trải nghiệm giống như ông? Tại sao chỉ mình ông có được cảm nhận đó? Nếu nói theo khoa học thì một khi ông cảm nhận được điều gì, tất cả những người khác cũng đều phải thấy như thế. Tóm lại, đây là điều mà khoa học không thể giải thích hay chứng minh, vì nó nằm ngoài phạm trù của khoa học.

Giáo sư Yeh hỏi tiếp: - Ông Mitchell, trải nghiệm lạ lùng đó có trở lại với ông nữa không? Khi trở về trái đất, ông còn có cảm nhận đó nữa không?

Phi hành gia Mitchell trả lời: - Có chứ, tôi vẫn cảm nhận được và sống trong niềm an lạc vô biên này. Nó hoàn toàn thay đổi quan niệm của tôi về con người và vũ trụ, vì thế tôi mới tìm cách giải thích nó theo khoa học, luận lý học, triết học và tâm linh. Tôi đồng ý với Hòa thượng Thánh Nghiêm về điều ngài dạy; nhưng là người nghiên cứu khoa học, tôi vẫn muốn tìm cách kết nối khoa học với trải nghiệm nội tại, để mở ra một chân trời mới cho kiến thức còn thiếu sót của nhân loại hiện nay.

Giáo sư Yeh tiếp tục đặt câu hỏi: - Ông nghĩ sao về các lý thuyết khoa học còn thiếu sót hiện nay?

Giáo sư Yeh tiếp tục đặt câu hỏi: - Ông nghĩ sao về các lý thuyết khoa học còn thiếu sót hiện nay? Chẳng hạn như giả thuyết về sự hình thành vũ trụ qua vụ nổ

Big Bang?

Phi hành gia Mitchell trả lời: - Khoa học thực nghiệm được xây dựng từ những lý luận, rồi được chứng minh qua các cuộc thí nghiệm với những dữ liệu chính xác. Giả thuyết về sự hình thành vũ trụ qua vụ nổ Big Bang mặc dù được đa số chấp nhận nhưng chưa ai có thể chứng minh nó một cách chính xác. Do đó, nó vẫn chỉ là một giả thuyết. Nó giải thích được một số hiện tượng, nhưng nó chưa hoàn chỉnh để có thể được công nhận là sự thật tuyệt đối. Theo tôi thì với đà tiến triển của khoa học ngày nay, giả thuyết này có thể trở nên lỗi thời, khi có thêm những bằng chứng hay dữ liệu khác. Tôi không nghĩ vũ trụ chỉ là kết quả của một vụ nổ, mà là một cái gì đó vận động, thay đổi không ngừng, do đó rất khó định nghĩa thật rõ ràng.

Giáo sư Yeh đặt vấn đề: - Nhưng nếu loại bỏ lý thuyết về vụ nổ Big Bang thì phải chăng thời gian không bắt đầu từ lúc tạo lập ra vũ trụ mà là một cái gì đó không có khởi thủy?

Phi hành gia Mitchell giải thích thêm: - Đối với tôi, thời gian chỉ là một sự đo lường có tính tương đối. Chính con người đề xướng ra cái gọi là “thời gian” trên trái đất này chứ tự nhiên không phân chia ra như thế. Con người tạo ra quan niệm về thời gian, rồi chia nó ra thành nhiều mảnh vụn. Trái đất quay quanh mặt trời một vòng thì được xem là một năm, rồi một năm có mười hai tháng, mỗi tháng có một số ngày, rồi ngày chia ra giờ, giờ chia ra phút, phút chia ra giây v.v... Sự phân chia này chỉ mang tính giới hạn trên trái đất mà thôi. Nếu chúng ta đi lên Hỏa Tinh, hay Kim Tinh, chúng ta sẽ phải thay chúng ta sẽ phải thay đổi thời gian khác đi. Nếu chúng ta tiếp tục đi vào không gian thì thời gian trên trái đất sẽ không còn giá trị nữa

(Còn tiếp)

Về bài đăng báo Phật Học

Ban Biên Tập hoan nghênh quý độc giả viết bài cho Nguyệt San Phật Học, xin được lưu ý những điểm sau đây :

- ♦ Bài viết về giáo lý hay thơ, văn, nhạc mang chứa nội dung Chân, Thiện, Mỹ theo tinh thần Phật Giáo, có ích cho sự tu học.
- ♦ Bài gửi đăng báo Phật Học, tác giả có thể viết tay hay đánh máy.
- ♦ Bài được đăng báo hay không, xin miễn trả lại bản thảo.
- ♦ Tác giả dùng bút hiệu, xin ghi rõ họ, tên, địa chỉ để dễ liên lạc nếu cần.
- ♦ Tôn trọng tác giả, Ban Biên Tập không sửa chữa hành văn trừ khi tác giả cho phép. Ban Biên Tập có thể sửa lỗi chánh tả hoặc đánh máy bị sai.

Ban Biên Tập
Nguyệt San Phật Học



HỘ PHÁP

Quý vị muốn nhận báo xin gởi tên và địa chỉ về:

Phật Học Inc
P.O. Box 221483
Louisville, KY 40252

TO:

BULK RATE
U.S. POSTAGE PAID
LOUISVILLE, KY
PERMIT NO. 368